

CHÍNH PHỦ

Số: 76 /NQ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2012



NGHỊ QUYẾT
Về phê duyệt nội dung và ký
Hiệp định ASEAN về di chuyển thể nhân và Biểu cam kết kèm theo

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các công văn số 8536/TTr-BKHĐT ngày 25 tháng 10 năm 2012 và 9123/BKHĐT-KTDV ngày 06 tháng 11 năm 2012,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đồng ý nội dung Hiệp định ASEAN về di chuyển thể nhân (Hiệp định MNP) và biểu cam kết kèm theo tờ trình trên.

Điều 2. Ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Công Thương thay mặt Chính phủ ký Hiệp định MNP nhân Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 21 tổ chức tại Campuchia từ ngày 17 đến ngày 20 tháng 11 năm 2012.

Điều 3. Bộ Ngoại giao thực hiện các thủ tục đối ngoại theo quy định hiện hành.

Điều 4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan khác tiếp tục xây dựng phương án đàm phán hoàn tất Biểu cam kết cụ thể kèm theo Hiệp định MNP.

Điều 5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an, theo chức năng nhiệm vụ của mình, chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan, rà soát, sửa đổi các quy định luật pháp trong nước, hướng dẫn việc thực thi cho phù hợp nội dung của Hiệp định MNP vào thực tiễn của Việt Nam./

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước (để báo cáo);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (kèm Hiệp định MNP);
- VPCP: các PCN, Trợ lý TTgCP, các Vụ: PL, NC, KTTH, TH;
- Lưu: VT, QHQT (2). **HT**



Nguyễn Tấn Dũng

BẢN DỊCH THAM KHẢO

HIỆP ĐỊNH ASEAN VỀ DI CHUYỂN THỂ NHÂN

Chính phủ Brunei Darussalam, Vương quốc Campuchia, Cộng hoà Indonesia, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, Malaysia, Liên bang Myanmar, Cộng hoà Philippines, Cộng hoà Singapore, Vương quốc Thái Lan và Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quốc gia thành viên Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á ("ASEAN") sau đây gọi chung là "các quốc gia thành viên" hoặc gọi riêng từng nước là "quốc gia thành viên";

GHI NHẬN nhiệm vụ trong Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Kinh tế ASEAN được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 13 tổ chức vào ngày 20/11/2007 tại Singapore tự do di chuyển lao động có kỹ năng là một trong những yếu tố cốt lõi của một thị trường sản xuất chung ASEAN, cho phép quản lý di chuyển hoặc tạo điều kiện thuận lợi nhập cảnh đối với việc di chuyển của thể nhân tham gia thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ và đầu tư, theo quy định hiện hành của nước tiếp nhận;

NHẮC LẠI Hiệp định khung ASEAN về Dịch vụ (AFAS) được ký bởi Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM) ngày 15/12/1995 tại Bangkok, Thái Lan và các Nghị định thư kèm theo để triển khai thực hiện, là nền tảng cho việc loại bỏ các rào cản/hạn chế đối với thương mại dịch vụ giữa các thành viên ASEAN trong tất cả các phương thức cung cấp dịch vụ, bao gồm cả phương thức 4 (Di chuyển thể nhân);

MONG MUỐN có một cơ chế hiệu quả để tiếp tục tự do hóa hơn và tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển thể nhân hướng tới tự do hóa lao động có kỹ năng trong ASEAN thông qua hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan của ASEAN trong các lĩnh vực, bao gồm việc không hạn chế đối với thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ, đầu tư, nhập cảnh, và lao động;

CŨNG MONG MUỐN xoá bỏ hầu hết các hạn chế việc di chuyển thể nhân tạm thời qua biên giới tham gia cung cấp thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ và đầu tư trong các điều khoản của Hiệp định này;

ĐÃ NHẤT TRÍ như sau:

Điều 1 Mục tiêu

Các mục tiêu của Hiệp định là nhằm:

- (a) Quy định trong phạm vi của Hiệp định này các quyền và nghĩa vụ bổ sung những quy định trong Hiệp định khung ASEAN về Dịch vụ và các Nghị định thư thực hiện liên quan đến di chuyển thể nhân giữa các nước thành viên;

- (b) Tạo điều kiện thuận lợi trong di chuyển thể nhân tham gia triển khai hoạt động thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ và đầu tư giữa các nước thành viên;
- (c) Thiết lập các quy định pháp lý minh bạch và hợp lý cho các thủ tục xin nhập cảnh đối với nhập cảnh tạm thời hoặc lưu trú tạm thời của thể nhân mà được Hiệp định này áp dụng;
- (d) Bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của các nước thành viên và bảo vệ lực lượng lao động trong nước và việc làm dài hạn/thường xuyên tại lãnh thổ của các nước thành viên.

Điều 2 Phạm vi

1. Hiệp định này sẽ áp dụng các biện pháp ảnh hưởng việc tạm thời nhập cảnh và tạm thời lưu trú của các thể nhân từ một nước thành viên vào lãnh thổ của một nước thành viên khác. Những thể nhân này có thể bao gồm:
 - (a) Khách kinh doanh/khách thương gia
 - (b) Người di chuyển trong nội bộ công ty
 - (c) Các nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng
 - (d) Các loại thể nhân khác có thể được quy định tại Danh mục cam kết cụ thể về tạm thời nhập cảnh và tạm thời lưu trú của thể nhân đến từ các nước thành viên.
2. Hiệp định này sẽ không áp dụng các biện pháp ảnh hưởng đến các thể nhân tìm kiếm cơ hội tiếp cận thị trường việc làm của một nước thành viên khác, hoặc không áp dụng các biện pháp liên quan đến quyền công dân, quá trình cư trú hoặc việc làm trên cơ sở cư trú lâu dài.
3. Các quy định của Hiệp định này không ngăn cản một nước thành viên áp dụng các biện pháp quy định việc nhập cảnh, hoặc lưu trú tạm thời các thể nhân của một nước thành viên khác vào lãnh thổ của mình, bao gồm cả các biện pháp cần thiết để bảo vệ toàn vẹn của lãnh thổ của nước nhập cảnh và đảm bảo việc di chuyển có trật tự của các thể nhân qua biên giới của nước mình, miễn là các biện pháp này không được áp dụng nhằm làm vô hiệu hoặc làm suy giảm những lợi ích mang lại cho nước thành viên khác theo các điều khoản trong cam kết cụ thể
4. Việc yêu cầu các thể nhân đáp ứng các yêu cầu về mặt thị thực trước khi nhập cảnh vào một nước thành viên sẽ không được coi là làm vô hiệu hoặc suy yếu những lợi ích theo Hiệp định này.

Điều 3 Các định nghĩa

Để phục vụ cho mục đích của Hiệp định này, những định nghĩa sau sẽ được áp dụng:

- (a) **Khách kinh doanh** có nghĩa là một thể nhân tìm kiếm khả năng nhập cảnh hoặc lưu trú tạm thời trong lãnh thổ của một nước thành viên khác, người có các khoản tiền thù lao và hỗ trợ tài chính trong suốt thời gian chuyến thăm này có nguồn gốc từ bên ngoài nước thành viên khác đó.
- (i) là một đại diện của một người cung cấp hoàng hoá/nhà cung cấp dịch vụ, nhập cảnh vì mục đích đàm phán bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ hoặc tham gia các thỏa thuận bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ cho người bán hàng hóa/nhà cung cấp dịch vụ đó, trong đó các cuộc đàm phán này không liên quan đến việc bán trực tiếp hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ cho công chúng
 - (ii) là nhân viên của một pháp nhân theo quy định tại các Khoản e (i), e (ii), e (iii) của Điều này nhập cảnh vì mục đích thiết lập một dự án đầu tư hoặc thành lập một hiện diện thương mại cho pháp nhân đó trong lãnh thổ của một nước thành viên khác.
 - (iii) vì mục đích tham gia vào các đàm phán kinh doanh hoặc các cuộc họp kinh doanh; hoặc
 - (iv) vì mục đích thiết lập một dự án đầu tư hoặc thành lập một hiện diện thương mại tại lãnh thổ của một nước thành viên khác.
- (b) **Người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng** có nghĩa là một thể nhân là nhân viên của một pháp nhân được thành lập trong lãnh thổ của một nước thành viên mà không có hiện diện thương mại trong lãnh thổ của một quốc gia thành viên khác nơi mà các dịch vụ sẽ được cung cấp, là người:
- (i) nhập cảnh tạm thời vào lãnh thổ của một nước thành viên khác nhằm cung cấp dịch vụ theo một (nhiều) hợp đồng giữa người sử dụng lao động và (các) người tiêu dùng dịch vụ¹ trong lãnh thổ của một nước thành viên khác.
 - (ii) hoặc là một giám đốc điều hành, nhà quản lý hoặc chuyên gia được xác định tại các Khoản e(i), e(ii), e(iii) của Điều này, là người nhận các khoản thù lao từ người sử dụng lao động của anh/chị ta.
 - (iii) phải qua đào tạo và trình độ chuyên môn liên quan đến các dịch vụ được cung cấp; và
 - (iv) là nhân viên của một pháp nhân trong một khoảng thời gian nhất định, được quy định trong Biểu cam kết cụ thể.

¹ Trong trường hợp của Indonesia và Thailand, (những) người tiêu dùng dịch vụ phải là (các) pháp nhân.

- (c) **Nước thành viên cấp phép** có nghĩa là một nước thành viên nhận được đơn xin nhập cảnh tạm thời hoặc lưu trú tạm thời từ một thể nhân của một nước thành viên khác được liệt kê trong Điều 2 (Phạm vi);
- (d) **Thủ tục nhập cảnh** có nghĩa là một thị thực, giấy phép, giấy thông hành hoặc các giấy tờ/văn bản khác hoặc dưới dạng điện tử được cơ quan có thẩm quyền cấp cho thể nhân của một nước thành viên quyền được nhập cảnh, lưu trú, làm việc tạm thời hoặc thiết lập một hiện diện thương mại trong lãnh thổ của nước thành viên cấp phép;
- (e) **Người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp (ICT)** có nghĩa là một thể nhân là nhân viên của một pháp nhân được thành lập trong lãnh thổ của một nước thành viên ASEAN, là người được chuyển việc tạm thời để cung cấp một dịch vụ thông qua một hiện diện thương mại (hoặc thông qua một văn phòng đại diện, chi nhánh, công ty con hoặc hội viên/liên kết) trong lãnh thổ của một nước thành viên, và đã là nhân viên của một pháp nhân trong một khoảng thời gian có thể được quy định tại Biểu cam kết cụ thể, và là người:
- (i) một **Giám đốc điều hành**: là một thể nhân trong một tổ chức, người chỉ đạo chủ yếu việc quản lý một tổ chức và đóng vai trò lớn/trụ cột trong việc đưa ra quyết định và chỉ thuộc sự kiểm soát chung hoặc sự định hướng từ các nhà quản trị cấp cao hơn, của hội đồng quản trị, hoặc các cổ đông của doanh nghiệp; một Giám đốc điều hành sẽ không trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến cung cấp dịch vụ thực tiễn hoặc các dịch vụ của tổ chức;
 - (ii) một **Nhà quản lý**: là một thể nhân trong tổ chức, người chỉ đạo chính tổ chức/cục/phòng/chi nhánh và thực hiện chức năng giám sát và kiểm soát đối với các cán bộ thuộc sự giám sát, quản lý hoặc cán bộ chuyên môn; không bao gồm những cán bộ giám sát tuyển đầu trừ khi những nhân viên dưới quyền kiểm soát là các nhà chuyên môn; không bao gồm những nhân viên chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ cần thiết để cung cấp dịch vụ; hoặc
 - (iii) một **Chuyên gia**: là một thể nhân trong tổ chức có kiến thức chuyên môn ở mức độ tiên tiến cần thiết để thiết lập/cung cấp dịch vụ và/hoặc sở hữu kiến thức độc quyền các dịch vụ của tổ chức, các thiết bị nghiên cứu, kỹ thuật hoặc quản lý. Một chuyên gia có thể bao gồm nhưng không giới hạn đối với các thành viên của một ngành nghề được cấp phép .

- (f) **Thẻ nhân** có nghĩa là một tự nhiên nhân có quốc tịch một nước thành viên ASEAN², theo luật pháp, quy định và các chính sách quốc gia;
- (g) **Nhập cảnh tạm thời hoặc lưu trú tạm thời** có nghĩa là việc thẻ nhân trong phạm vi của Hiệp định này nhập cảnh hoặc lưu trú tạm thời mà không có ý định cư trú lâu dài/thường trú.

Điều 4

Cấp phép nhập cảnh tạm thời hoặc lưu trú tạm thời

1. Mỗi nước thành viên, theo Biểu cam kết cụ thể của nước thành viên đó trong **PHỤ LỤC 1**, sẽ cấp phép nhập cảnh tạm thời hoặc lưu trú tạm thời phù hợp với Hiệp định này cho các thẻ nhân của nước thành viên khác với điều kiện là những thẻ nhân này:
 - (a) tuân thủ các thủ tục yêu cầu đối với yêu cầu nhập cảnh; và
 - (b) đáp ứng các yêu cầu pháp lý liên quan về nhập cảnh tạm thời hoặc lưu trú tạm thời của nước thành viên sẽ cấp phép.
2. Các khoản phí liên quan đến giải quyết hồ sơ nhập cảnh phải hợp lý và phù hợp với luật trong nước.
3. Một nước thành viên có thể từ chối cho phép các thẻ nhân của một nước thành viên khác nhập cảnh tạm thời hoặc lưu trú tạm thời nếu những thẻ nhân này không tuân thủ Khoản 1(a) và (b) của Điều này.

Điều 5

Giải quyết đơn

1. Khi có đơn xin nhập cảnh của thẻ nhân của một nước thành viên thuộc diện thẻ nhân được đề cập trong Điều 2 (Phạm vi), nước thành viên được yêu cầu sẽ giải quyết nhanh chóng thủ tục nhập cảnh hoặc gia hạn hồ sơ nhập cảnh cho thẻ nhân đó.
2. Mỗi nước thành viên, khi có yêu cầu và trong một thời gian hợp lý/nhất định sau khi nhận được bộ hồ sơ hoàn chỉnh về thủ tục nhập cảnh từ một thẻ nhân của một nước thành viên khác nằm trong diện thẻ nhận tại Điều 2 (Phạm vi), phải thông báo cho người nộp đơn:
 - (a) đã nhận được hồ sơ;
 - (b) tình trạng của hồ sơ; và
 - (c) quyết định liên quan đến hồ sơ, bao gồm quyết định có được phê duyệt hay không, thời gian được ở lại và các điều kiện khác.

² Trường hợp của Brunei Darussalam, **Thẻ nhân** là những người có quyền thường trú tại nước sở tại theo quy định của pháp luật và các quy định của nước đó.

3. Trong trường hợp hồ sơ chưa hoàn chỉnh, theo yêu cầu của người nộp đơn, nước thành viên có thể thông báo cho người nộp đơn tất cả các thông tin bổ sung cần có để hoàn chỉnh hồ sơ và tạo cơ hội khắc phục/sửa chữa những sai sót trong hồ sơ của người đó.

Điều 6

Biểu cam kết cụ thể đối với việc nhập cảnh tạm thời và lưu trú tạm thời của thể nhân

1. Mỗi nước thành viên sẽ phải quy định trong **PHỤ LỤC 1** một biểu phụ lục bao gồm những cam kết về việc nhập cảnh tạm thời và lưu trú tạm thời trong lãnh thổ của mình của các thể nhân của các nước thành viên khác được đề cập trong Điều 2 (Phạm vi). Những Biểu cam kết này sẽ chỉ rõ những điều kiện và hạn chế chi phối những cam kết này, bao gồm cả thời gian lưu trú, đối với mỗi phạm trù thể nhân nằm trong Biểu cam kết cụ thể của mỗi nước thành viên.
2. Sau khi Hiệp định này có hiệu lực, Biểu cam kết được nêu tại khoản 1 của Điều này sẽ thay thế các cam kết được xây dựng trong khuôn khổ AFAS liên quan đến phương thức 4 (Di chuyển thể nhân).

Điều 7

Tiến trình tự do hóa

1. Các nước thành viên sẽ tiến hành thảo luận/đàm phán rà soát/xem xét Biểu cam kết cụ thể trong khuôn khổ Hiệp định này với quan điểm đạt được sự tự do hóa hơn nữa về di chuyển thể nhân. Cuộc thảo luận/đàm phán đầu tiên rà soát Biểu cam kết cụ thể sẽ diễn ra sau một năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Các cuộc thảo luận/đàm phán tiếp theo sẽ được thống nhất bởi các nước thành viên.
2. Theo Khoản 2, 3, 4 và 5 của Điều 15 (Rà soát, bổ sung và chỉnh sửa) Biểu cam kết cụ thể được rà soát sau mỗi cuộc thảo luận/đàm phán được đề cập tại Khoản 1 của Điều này sẽ là một cấu phần không thể tách rời của Hiệp định này.

Điều 8

Minh bạch hóa

Các quốc gia thành viên phải:

- (a) Ban hành hoặc cung cấp cho công chúng tài liệu hướng dẫn tất cả các thủ tục nhập cảnh liên quan của Điều khoản này hoặc ảnh hưởng đến việc thực hiện Điều khoản này
- (b) Thành lập hoặc duy trì các điểm liên lạc hoặc các cơ chế khác để đáp ứng các yêu cầu từ những thể nhân quan tâm tới các quy định ảnh hưởng đến nhập cảnh tạm thời hoặc lưu trú tạm thời của thể nhân;
- (c) trong phạm vi có thể, cho phép một khoảng thời gian hợp lý/nhất định giữa việc công bố các quy định mới ảnh hưởng đến nhập cảnh

tạm thời hoặc lưu trú tạm thời của thể nhân và ngày có hiệu lực của thể nhân. Việc công bố này có thể được thực hiện dưới dạng điện tử sẵn có;

- (d) không muộn hơn 6 tháng sau ngày có hiệu lực của Hiệp định này, ban hành, có thể trên trang thông tin nhập cảnh, hoặc theo cách khác đưa thông tin này ra công chúng trong lãnh thổ của mình và tới người trên lãnh thổ các nước thành viên khác, yêu cầu chung nhập cảnh tạm thời hoặc lưu trú tạm thời trong khuôn khổ Hiệp định này, bao gồm các mẫu và tài liệu hướng dẫn giúp cho thể nhân các nước thành viên khác quen thuộc với những yêu cầu này; và
- (e) khi sửa đổi hoặc điều chỉnh các biện pháp nhập cảnh ảnh hưởng đến việc nhập cảnh tạm thời hoặc lưu trú tạm thời của thể nhân, phải đảm bảo thông tin được công bố hoặc đưa ra công chúng phù hợp với Khoản (d) của Điều này được cập nhật sớm nhất trong vòng 90 ngày.

Điều 9 **Những ngoại lệ chung**

Tuỳ theo các yêu cầu về việc không áp dụng các biện pháp có thể tạo ra sự phân biệt đối xử tùy tiện và không có cơ sở giữa các quốc gia thành viên hoặc trở thành một hạn chế trá hình đối với di chuyển thể nhân, không quy định nào trong Hiệp định này ngăn cản các nước thành viên việc thông qua hoặc thực hiện các biện pháp:

- (a) cần thiết để bảo vệ đạo đức công cộng hoặc duy trì trật tự công cộng³;
- (b) cần thiết để bảo vệ sức khỏe hoặc cuộc sống của con người, động vật hoặc thực vật;
- (c) cần thiết để đảm bảo việc tuân thủ các quy định của pháp luật mà không trái với các quy định của Hiệp định này bao gồm những quy định liên quan tới:
 - (i) ngăn ngừa các hành vi lừa đảo và gian lận hoặc để giải quyết hậu quả của việc không thanh toán hợp đồng dịch vụ;
 - (ii) bảo vệ bí mật đời tư của những cá nhân trong việc xử lý hoặc phổ biến các thông tin cá nhân và bảo vệ tính bảo mật lý lịch hoặc tài khoản cá nhân;
 - (iii) an toàn.

³ Ngoại lệ về trật tự công cộng chỉ có thể được viện dẫn khi có những đe dọa thực sự nghiêm trọng đối với một trong số các lợi ích cơ bản của cộng đồng

Điều 10 **Những ngoại lệ An ninh**

1. Không quy định nào trong Hiệp định này được hiểu là:
 - (a) yêu cầu một nước thành viên bất kỳ cung cấp thông tin mà việc tiết lộ được coi là trái với lợi ích an ninh thiết yếu của mình; hoặc
 - (b) ngăn cản một nước thành viên bất kỳ thực hiện hành động mà nước đó cho là cần thiết nhằm bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu của nước mình:
 - (i) liên quan đến việc cung cấp dịch vụ thực hiện trực tiếp hoặc gián tiếp nhằm mục đích phục vụ một cơ sở quân sự;
 - (ii) liên quan đến việc tách hoặc làm giàu nguyên liệu hạt nhân hoặc nguyên liệu được sản xuất từ nguyên liệu hạt nhân;
 - (iii) được tiến hành trong trường hợp chiến tranh hoặc trường hợp khẩn cấp khác trong quan hệ quốc tế; hoặc
 - (c) ngăn cản một nước thành viên bất kỳ triển khai hành động thực hiện các nghĩa vụ của nước đó theo Hiến chương Liên Hợp Quốc nhằm giữ gìn hoà bình và an ninh quốc tế.
2. Hội nghị các Bộ trưởng kinh tế ASEAN (AEM) phải được thông báo đầy đủ nhất trong phạm vi có thể về các biện pháp được áp dụng theo quy định tại Khoản 1 (b) và 1 (c) của Điều này và về việc chấm dứt các biện pháp đó.

Điều 11 **Giải quyết tranh chấp**

1. Các nước thành viên cần nỗ lực giải quyết bất kỳ sự khác nhau nào phát sinh từ việc thực hiện hiệp định này thông qua tham vấn.
2. Một nước thành viên không được sử dụng Nghị định thư ASEAN về Tăng cường Cơ chế giải quyết tranh chấp ký ngày 29/11/2004 tại Viêng Chăn, CHDCND Lào và thêm vào các sửa đổi liên quan đến việc từ chối cho phép nhập cảnh tạm thời hoặc lưu trú tạm thời trong khuôn khổ hiệp định này trừ khi có:
 - (a) các vấn đề liên quan đến thông lệ có tính hệ thống từ phía nước thành viên cấp phép; và
 - (b) thể nhân bị ảnh hưởng đã sử dụng hết các biện pháp trong nước để giải quyết vấn đề cụ thể nào đó.

Điều 12 **Mối quan hệ với Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN**

1. Hiệp định này không áp dụng các biện pháp được duy trì hoặc thông qua bởi mỗi nước thành viên trong chừng mực phạm vi Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN (ACIA).
2. Dù có quy định nào khác tại khoản 1 của Điều này, với những sửa đổi phù hợp, Hiệp định sẽ áp dụng các biện pháp được duy trì hoặc thông qua theo Điều 22 của ACIA (nhập cảnh, lưu trú tạm thời và hoạt động của các nhà đầu tư và nhân viên chủ chốt) tác động đến di chuyển thể nhân của một nước thành viên trong lãnh thổ của bất kỳ một trong các nước thành viên khác.
3. Để rõ ràng hơn, mục B (Tranh chấp đầu tư giữa một nhà đầu tư và một nước thành viên) của ACIA không áp dụng đối với Hiệp định này.

Điều 13 Công nhận

1. Một nước thành viên tham gia hiệp định hoặc thỏa thuận với một nước thành viên khác có thể công nhận trình độ học vấn, kinh nghiệm, khả năng đáp ứng các yêu cầu, giấy phép hoặc chứng chỉ được cấp bởi một nước thành viên khác nhằm mục đích thực hiện một phần hoặc tất cả các tiêu chuẩn hoặc tiêu chí tương ứng đối với việc phê duyệt, cấp phép hoặc chứng nhận của những người cung cấp dịch vụ, và theo các quy định nêu tại đoạn 3 của Điều khoản này,
2. Trong trường hợp một nước thành viên tham gia hiệp định hoặc thỏa thuận với một nước không phải thành viên hoặc đơn phương đối xử có lợi cho một nước thành viên khác hoặc một nước không phải thành viên công nhận trình độ học vấn, kinh nghiệm, khả năng đáp ứng các yêu cầu, giấy phép hoặc chứng chỉ được cấp bởi nước thành viên khác hoặc nước không phải thành viên, thì nước thành viên đó phải tạo cơ hội thích hợp cho nước thành viên bất kỳ khác chứng minh rằng trình độ học vấn, kinh nghiệm, giấy phép, chứng chỉ hoặc việc đáp ứng các yêu cầu mà phải được công nhận trên lãnh thổ của nước khác.
3. Một nước thành viên sẽ không cho hưởng việc công nhận theo cách tạo nên sự phân biệt đối xử đối với một nước thành viên khác khi áp dụng các tiêu chuẩn, tiêu chí để phê duyệt, cấp phép hoặc chứng nhận đối với người cung cấp dịch vụ, hoặc hạn chế trách nhiệm đối với thương mại dịch vụ. Khi có điều kiện thích hợp, việc công nhận sẽ được căn cứ vào các tiêu chí đã phương được thừa nhận.
4. Mỗi nước thành viên phải khuyến khích các cơ quan trong nước tiến hành hợp tác đàm phán song phương, đa phương các hiệp định hoặc thỏa thuận về công nhận nghề nghiệp như:
 - (a) Yêu cầu trình độ chuyên môn;

- (b) Chứng chỉ hành nghề; và
- (c) Giấy phép, chứng nhận hoặc các thủ tục và yêu cầu đăng ký.

Điều 14 **Thế chế thực hiện**

1. AEM chịu trách nhiệm thực thi Hiệp định này.
2. AEM có trách nhiệm phối hợp và giám sát thực hiện Hiệp định này của các quốc gia thành viên và các cơ quan ASEAN liên quan.
3. Vì mục tiêu của Hiệp định, Ủy ban Điều phối ASEAN về Dịch vụ (CCS) và các quan chức chính phủ liên quan khác có trách nhiệm hỗ trợ AEM thực hiện Hiệp định này.
4. Để thực hiện các chức năng của mình, AEM có thể thành lập các cơ quan trực thuộc và giao cho thực hiện/đảm trách/hoàn thành nhiệm vụ nhất định hoặc ủy quyền phụ trách của mình cho cơ quan trực thuộc bất kỳ.

Điều 15 **Rà soát, sửa đổi và bổ sung**

1. Bất kỳ nước thành viên cũng có thể yêu cầu bằng văn bản về việc rà soát, sửa đổi hoặc bổ sung tất cả hoặc một phần của Hiệp định này.
2. Các điều khoản của Hiệp định này chỉ có thể được rà soát, bổ sung hoặc sửa đổi khi có sự đồng thuận bằng văn bản của Chính phủ của tất cả các nước thành viên.
3. Bất kỳ việc bổ sung hoặc chỉnh sửa được thống nhất bằng văn bản của các nước thành viên sẽ trở thành một phần không thể tách rời của Hiệp định này.
4. Ngày có hiệu lực của nội dung sửa đổi, hoặc bổ sung được xác định bởi tất cả các nước thành viên.
5. Bất kỳ sửa đổi, hoặc bổ sung sẽ không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ phát sinh hoặc trên cơ sở Hiệp định này trước khi hoặc đến ngày bổ sung, hoặc sửa đổi.

Điều 16 **Hiệu lực**

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau khi tất cả các nước thành viên thông báo, hoặc khi cần thiết, lưu chiếu văn kiện phê chuẩn cho Tổng thư ký của ASEAN trong thời gian không quá 180 ngày sau khi ký kết Hiệp định này.

2. Tổng thư ký ASEAN phải kịp thời thông báo cho tất cả các nước thành viên việc thông báo hoặc lưu chiếu của từng văn kiện phê chuẩn được nêu tại Khoản 1 của Điều khoản này.

Điều 17 **Lưu chiếu**

Hiệp định này sẽ được Tổng thư ký ASEAN sẽ lưu chiếu, Tổng Thư ký sẽ nhanh chóng cung cấp một bản sao có chứng thực tới mỗi quốc gia thành viên.

DƯỚI SỰ CHỨNG KIẾN, những người ký tên dưới đây, được ủy quyền bởi Chính phủ của nước mình, đã ký vào Hiệp định ASEAN về di chuyển thể nhân

LÀM TẠI Ngày Tháng Năm 2012 bằng một bản duy nhất bằng tiếng Anh

Thay mặt Chính phủ Bru-nây Darussalam

Thay mặt Chính phủ Hoàng gia Campuchia

Thay mặt Chính phủ Cộng hòa In-đô-nê-xi –a

Thay mặt Chính phủ Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

Thay mặt Chính phủ Ma-lay-xi-a

Thay mặt Chính phủ Liên bang My-an-ma

Thay mặt Chính phủ Cộng hòa Phi-lip-pin

Thay mặt Chính phủ Cộng hòa Sing-ga-po

Thay mặt Chính phủ Vương quốc Thái Lan

Thay mặt Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

ASEAN AGREEMENT ON THE MOVEMENT OF NATURAL PERSONS

The Governments of Brunei Darussalam, the Kingdom of Cambodia, the Republic of Indonesia, Lao People's Democratic Republic, Malaysia, the Republic of the Union of Myanmar, the Republic of the Philippines, the Republic of Singapore, the Kingdom of Thailand, and the Socialist Republic of Viet Nam, Member States of the Association of South East Asian Nations ("ASEAN"), hereinafter collectively referred to as "Member States" or singularly as "Member State";

NOTING the mandate of the ASEAN Economic Community Blueprint adopted at the 13th ASEAN Summit held on 20 November 2007 in Singapore that free flow of skilled labour is one of the core elements of an ASEAN single market and production base; which allows for managed mobility or facilitated entry for the movement of natural persons engaged in trade in goods, trade in services and investment, according to the prevailing regulations of the receiving country;

RECALLING the ASEAN Framework Agreement on Services ("AFAS") signed by ASEAN Economic Ministers ("AEM") on 15 December 1995 in Bangkok, Thailand and its subsequent Implementing Protocols, which lays the foundation for elimination of restrictions to trade in services amongst Member States in all modes of supply, including mode 4 (Movement of Natural Persons);

DESIRING for an effective mechanism to further liberalise and facilitate movement of natural persons towards free flow of skilled labour in ASEAN through close cooperation among related ASEAN bodies in the areas, including and not limited to trade in goods, trade in services, investment, immigration, and labour;

ALSO DESIRING to eliminate substantially all restrictions in the temporary cross-border movement of natural persons involved in the provision of trade in goods, trade in services and investment within the provisions of this Agreement;

HAVE AGREED as follows:

Article 1 Objectives

The objectives of this Agreement are to:

- (a) provide within the scope of this Agreement the rights and obligations additional to those set out in the ASEAN Framework Agreement on Services and its Implementing Protocols in relation to the movement of natural persons between Member States;
- (b) facilitate the movement of natural persons engaged in the conduct of trade in goods, trade in services and investment between Member States;

- (c) establish streamlined and transparent procedures for applications for immigration formalities for the temporary entry or temporary stay of natural persons to whom this Agreement applies; and
- (d) protect the integrity of Member States' borders and protect the domestic labour force and permanent employment in the territories of Member States.

Article 2 Scope

1. This Agreement shall apply to measures affecting the temporary entry or temporary stay of natural persons of a Member State into the territory of another Member State. Such natural persons may include:
 - (a) business visitors;
 - (b) intra-corporate transferees;
 - (c) contractual service suppliers;
 - (d) other categories as may be specified in the Schedules of Commitments for the temporary entry and temporary stay of natural persons of the Member State.
2. This Agreement shall not apply to measures affecting natural persons seeking access to the employment market of another Member State, nor shall it apply to measures regarding citizenship, residence or employment on a permanent basis.
3. Nothing contained in this Agreement shall prevent a Member State from applying measures to regulate the entry into, or temporary stay, of natural persons of the other Member State in its territory, including those measures necessary to protect the integrity of its territory and to ensure the orderly movement of natural persons across its borders, provided that such measures are not applied in a manner so as to nullify or impair the benefits accruing to the other Member State under the terms of a specific commitment.
4. The sole fact of requiring natural persons to meet visa requirements prior to entry into the territory of a Member State shall not be regarded as nullifying or impairing benefits under this Agreement.

Article 3 Definitions

For the purposes of this Agreement, the following definitions shall apply:

- (a) **Business Visitor** means a natural person seeking to enter or stay in the territory of another Member State temporarily, whose remuneration and financial support for the duration of the visit is derived from outside of that other Member State;

- (i) as a representative of a goods seller/service supplier, for the purpose of negotiating the sale of goods or supply of services or entering into agreements to sell goods or supply services for that goods seller/service supplier, where such negotiations do not involve direct sale of goods or supply of services to the general public;
 - (ii) as an employee of a juridical person as defined in subparagraphs e(i), e(ii) and e(iii) of this Article only for the purpose of establishing an investment or setting up a commercial presence, for the juridical person in the territory of another Member State;
 - (iii) for the purpose of participating in business negotiations or meetings; or
 - (iv) for the purpose of establishing an investment or setting up a commercial presence in the territory of another Member State;
- (b) **Contractual Service Supplier** means a natural person who is an employee of a juridical person established in the territory of a Member State which has no commercial presence in the territory of the other Member State where the services will be provided, who:
- (i) enters the territory of that other Member State temporarily in order to supply a service pursuant to a contract(s) between his/her employer and service consumer(s)¹ in the territory of the other Member State;
 - (ii) is either an executive, manager, or specialist as defined in subparagraph e(i), e(ii) and e(iii) of this Article, who receives remuneration from his/her employer;
 - (iii) must possess the appropriate educational and professional qualifications relevant to the service to be provided; and
 - (iv) as may be applicable, has been an employee of the juridical person for a period as may be specified in the Schedule of Commitments;
- (c) **Granting Member State** means a Member State who receives an application for temporary entry or temporary stay from a natural person of another Member State who is covered by Article 2 (Scope);
- (d) **Immigration Formality** means a visa, permit, pass or other documents or electronic authority granting a natural person of one Member State the right to temporarily enter, stay, work, or to

¹ In the case of Indonesia and Thailand, the service consumer(s) have to be juridical person(s).

establish commercial presence in the territory of the granting Member State;

- (e) **Intra-Corporate Transferee (ICT)** means a natural person who is an employee of a juridical person established in the territory of a Member State, who is transferred temporarily for the supply of a service through commercial presence (either through a representative office, branch, subsidiary or affiliate) in the territory of another Member State, and who has been an employee of the juridical person for a period as may be specified in the Schedule of Commitments, and who is:
- (i) an **Executive**: a natural person within the organisation who primarily directs the management of the organisation and exercises wide latitude in decision making and receives only general supervision or direction from higher level executives, the board of directors, or stockholders of the business; an executive would not directly perform tasks related to the actual provision of the service or services of the organisation;
 - (ii) a **Manager**: a natural person within the organisation who primarily directs the organisation/department/subdivision and exercises supervisory and control functions over other supervisory, managerial or professional staff; does not include first line supervisors unless employees supervised are professionals; does not include employees who primarily perform tasks necessary for the provision of the service; or
 - (iii) a **Specialist**: a natural person within the organisation who possesses knowledge at an advanced level of expertise essential to the establishment/provision of the service and/or possesses proprietary knowledge of the organisation's service, research equipment, techniques or management; may include, but is not limited to, members of a licensed profession;
- (f) **Natural Person** means a natural person who is a national of a Member State², in accordance with its laws, regulations and national policies; and
- (g) **Temporary Entry or Temporary Stay** means entry into or stay by a natural person covered by this Agreement, without the intent to establish permanent residence.

Article 4 **Grant of Temporary Entry or Temporary Stay**

² In the case of Brunei Darussalam, **Natural Persons** also refer to those who have the rights of permanent residence in its country in accordance with its laws and regulations.

1. Each Member State shall, in accordance with that Member State's Schedule of Commitments in **ANNEX 1**, grant temporary entry or temporary stay in accordance with this Agreement to natural persons of another Member State provided those natural persons:
 - (a) follow prescribed application procedures for the immigration formality sought; and
 - (b) meet all relevant eligibility requirements for temporary entry or temporary stay of the granting Member State.
2. Any fees imposed in respect of the processing of an immigration formality shall be reasonable and in accordance with domestic law.
3. A Member State may deny temporary entry or temporary stay to natural persons of another Member State who do not comply with paragraphs 1(a) and 1(b) of this Article.

Article 5 Processing of Applications

1. Where an application for an immigration formality is required by a Member State, that Member State shall promptly process complete applications for immigration formalities or extensions received from natural persons of another Member State covered by Article 2 (Scope).
2. Each Member State shall, upon request and within a reasonable period after receiving a complete application for an immigration formality from a natural person of another Member State covered by Article 2 (Scope), notify the applicant of:
 - (a) the receipt of the application;
 - (b) the status of the application; and
 - (c) the decision concerning the application including, if approved, the period of stay and other conditions.
3. In the case of an incomplete application, at the request of the applicant, the Member State shall notify the applicant of all the additional information that is required to complete the application and provide the applicant with the opportunity to remedy deficiencies in his/her application.

Article 6 Schedules of Commitments for the Temporary Entry and Temporary Stay of Natural Persons

1. Each Member State shall set out in **ANNEX 1** a schedule containing its commitments for the temporary entry or temporary stay in its territory of natural persons of other Member States covered in Article 2 (Scope). These Schedules shall specify the general conditions and limitations

governing those commitments, including the length of stay, for each category of natural persons included in each Member State's Schedule of Commitments.

2. Upon entry into force of this Agreement, the Schedules of Commitments as referred to in paragraph 1 of this Article shall supersede commitments made under the AFAS in relation to mode 4 (Movement of Natural Persons).

Article 7 Further Liberalisation

1. Member States shall enter into discussion to review the Schedules of Commitments under this Agreement with a view to achieving further liberalisation on the movement of natural persons. The initial discussion to review the Schedules of Commitments shall take place one year from entry into force of the Agreement. Subsequent discussions shall take place at intervals to be agreed by Member States.
2. The revisions of the Schedules of Commitments as a result of the discussions referred to in paragraph 1 of this Article shall be incorporated into this Agreement, subject to paragraphs 2, 3, 4 and 5 of Article 15 (Revisions, Modifications and Amendments).

Article 8 Transparency

Each Member State shall:

- (a) publish or otherwise make publicly available explanatory material on all relevant immigration formalities which pertain to or affect the operation of this Agreement;
- (b) maintain or establish contact points or other mechanisms to respond to inquiries from interested persons regarding regulations affecting the temporary entry or temporary stay of natural persons;
- (c) to the extent possible, allow reasonable time between publication of new regulations affecting the temporary entry or temporary stay of natural persons and their effective date. Such publication may be made electronically available;
- (d) no later than six month after entry into force of this Agreement publish, such as on its immigration website, or otherwise make publicly available in its own territory and to persons in the territory of the other Member States, the general requirements for temporary entry or temporary stay under this Agreement, including explanatory material and relevant forms and documents that will enable natural persons of other Member States to become acquainted with those requirements; and

- (e) upon modifying or amending any immigration measure that affects the temporary entry or temporary stay of natural persons, ensure that the information published or otherwise made available pursuant to subparagraph (d) of this Article is updated as soon as possible within 90 days.

Article 9 General Exceptions

Subject to the requirement that such measures are not applied in a manner which would constitute a means of arbitrary or unjustifiable discrimination between countries where like conditions prevail, or a disguised restriction on the movement of natural persons, nothing in this Agreement shall be construed to prevent the adoption or enforcement by any Member State of measures:

- (a) necessary to protect public morals or to maintain public order;³
- (b) necessary to protect human, animal or plant life or health;
- (c) necessary to secure compliance with laws or regulations which are not inconsistent with the provisions of this Agreement including those relating to:
 - (i) the prevention of deceptive and fraudulent practices or to deal with the effects of a default on services contracts;
 - (ii) the protection of the privacy of individuals in relation to the processing and dissemination of personal data and the protection of confidentiality of individual records and accounts;
 - (iii) safety.

Article 10 Security Exceptions

1. Nothing in this Agreement shall be construed:
 - (a) to require any Member State to furnish any information, the disclosure of which it considers contrary to its essential security interests; or
 - (b) to prevent any Member State from taking any action which it considers necessary for the protection of its essential security interests:

³ The public order exception may be invoked only where a genuine and sufficiently serious threat is posed to one of the fundamental interests of society.

- (i) relating to the supply of services as carried out directly or indirectly for the purpose of provisioning a military establishment;
 - (ii) relating to fissionable and fusionable materials or the materials from which they are derived;
 - (iii) taken in time of war or other emergency in international relations; or
 - (c) to prevent any Member State from taking any action in pursuance of its obligations under the United Nations Charter for the maintenance of international peace and security.
2. The AEM shall be informed to the fullest extent possible of measures taken under paragraphs 1(b) and 1(c) of this Article and of their termination.

Article 11 Dispute Settlement

1. Member States shall endeavour to settle any differences arising out of the implementation of this Agreement through consultations.
2. A Member State shall not recourse to the ASEAN Protocol on Enhanced Dispute Settlement Mechanism, signed on 29 November 2004 in Vientiane, Lao PDR and amendments thereto, regarding a refusal to grant temporary entry or temporary stay under this Agreement unless:
 - (a) the matter involves a pattern of practice on the part of the granting Member State; and
 - (b) the natural persons affected have exhausted all available domestic remedies regarding this particular matter.

Article 12 Relation with ASEAN Comprehensive Investment Agreement

1. This Agreement does not apply to measures adopted or maintained by each Member State to the extent that they are covered by the ASEAN Comprehensive Investment Agreement ("ACIA").
2. Notwithstanding paragraph 1 of this Article, this Agreement shall apply, mutatis mutandis, to measures adopted or maintained under Article 22 of the ACIA (Entry, Temporary Stay and Work of Investors and Key Personnel) affecting the movement of natural persons of a Member State in the territory of any one of the other Member States.
3. For greater certainty, Section B (Investment Dispute Between an Investor and a Member State) of the ACIA shall not apply to this Agreement.

Article 13 Recognition

1. A Member State, by agreement or arrangement with another Member State, may recognise the education or experience obtained, requirements met, licenses or certifications granted in the other Member State for the purposes of the fulfilment, in whole or in part, of its standards or criteria for authorisation, licensing and certification of service suppliers of the other Member State and subject to the requirements of paragraph 3 of this Article.
2. Where a Member State recognises, by agreement or arrangement with a non-Member State or unilaterally whether in favour of another Member State or a non-Member State, the education or experience obtained, requirements met, licenses or certifications granted in the other Member State or non-Member State, the Member State shall afford adequate opportunity for any other Member State to demonstrate that education, experience, licenses, or certifications obtained or requirements met in the territory of that Member State should be recognised.
3. A Member State shall not accord recognition in a manner which would constitute a means of discrimination against another Member State in the application of its standards or criteria for the authorisation, licensing or certification of service suppliers, or a disguised restriction on trade in services. Where appropriate, recognition should be based on multilaterally agreed criteria.
4. Each Member State shall encourage competent bodies in its territory to enter into cooperation, agreement or arrangement, multilaterally or bilaterally, on recognition of professional:
 - (a) qualification requirements;
 - (b) qualification procedures; and
 - (c) licensing, certification or registration requirements and procedures.

Article 14 Institutional Mechanism

1. The AEM shall be responsible for the implementation of this Agreement.
2. The AEM shall coordinate and oversee the implementation of this Agreement across Member States and across related ASEAN bodies.
3. The ASEAN Coordinating Committee on Services ("CCS") and, for the purposes of this Agreement, other relevant government officials shall assist the AEM in implementing this Agreement.
4. In the fulfilment of its functions, the AEM may establish subsidiary bodies and assign them to perform/undertake/accomplish certain tasks or delegate its responsibilities to any subsidiary bodies.

Article 15
Revisions, Modifications and Amendments

1. Any Member State may request in writing a revision, modification, or amendment of all or any part of this Agreement.
2. The provisions of this Agreement may only be revised, modified or amended when mutually agreed upon in writing by the Governments of all Member States.
3. Any revision, modification, or amendment agreed to and in writing shall form an integral part of this Agreement.
4. Such revision, modification, or amendment shall come into force on such date as may be determined by all Member States.
5. Any revision, modification, or amendment shall not prejudice the rights and obligations arising from or based on this Agreement prior or up to the date of such revision, modification, or amendment.

Article 16
Entry into Force

1. This Agreement shall enter into force after all Member States have notified or, where necessary, deposited instruments of ratification with the Secretary-General of ASEAN, which shall not take more than 180 days after the signing of this Agreement.
2. The Secretary-General of ASEAN shall promptly notify all Member States of the notifications or deposit of each instrument of ratification referred to in paragraph 1 of this Article.

Article 17
Depositary

This Agreement shall be deposited with the ASEAN Secretary-General, who shall promptly furnish a certified copy thereof to each Member State.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorised by their respective Governments, have signed the ASEAN Agreement on Movement of Natural Persons.

DONE at, this th day of 2012 in a single copy in the English Language.

For Brunei Darussalam:

For the Kingdom of Cambodia:

For the Republic of Indonesia:

For the Lao People's Democratic Republic:

For Malaysia:

For the Republic of the Union of Myanmar:

For the Republic of the Philippines:

For the Republic of Singapore:

For the Kingdom of Thailand:

For the Socialist Republic of Viet Nam:

BẢN DỊCH THAM KHẢO

**HIỆP ĐỊNH ASEAN VỀ DI CHUYỂN THỂ NHÂN
BIỂU CAM KẾT CỤ THỂ CỦA VIỆT NAM¹**

¹ Ghi chú: Biểu cam kết cụ thể được xây dựng theo Hướng dẫn Xây dựng Biểu cam kết cụ thể (Tài liệu WTO ký hiệu S/L/92, ngày 28/3/2001). Tuy nhiên, Hướng dẫn này không được coi là ràng buộc về mặt pháp lý.

Phương thức cung cấp: (1) điện của thể nhân	Cung cấp qua biên giới	(2)	Tiêu dùng ở nước ngoài	(3)	Hiện diện thương mại (4)	Hiện
Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung			
I. CAM KẾT CHUNG Đến khi Việt Nam ban hành luật, quy định hoặc chính sách trong nước về dành đối xử gần như tương tự giữa người thường trú của nước khác và công dân của nước đó, các nghĩa vụ của Việt Nam đối với người thường trú của các Bên khác sẽ giới hạn trong nghĩa vụ theo Hiệp định GATS, như quy định trong Nghị định thư gia nhập WTO của Việt Nam, và nghĩa vụ của các Bên khác đối với người thường trú Việt Nam, sẽ giới hạn trong nghĩa vụ của họ theo Hiệp định GATS.						
TẤT CẢ CÁC NGÀNH VÀ PHÂN NGÀNH TRONG BIỂU CAM KẾT	(4) Chưa cam kết, trừ các biện pháp liên quan đến nhập cảnh và lưu trú tạm thời của các thể nhân thuộc các nhóm sau: (a) <u>Người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp</u> Các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia, như được định nghĩa dưới đây, của một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam, di chuyển tạm thời trong nội bộ doanh nghiệp sang hiện diện thương mại này và đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 1 năm, được phép nhập cảnh và lưu trú trong thời gian ban đầu là 3 năm và sau đó có thể được gia hạn tùy thuộc vào thời hạn hoạt động	(4) Chưa cam kết, trừ các biện pháp đã nêu tại cột tiếp cận thị trường.				

Phương thức cung cấp: (1) điện của thẻ nhân	Cung cấp qua biên giới (2)	Tiêu dùng ở nước ngoài (3)	Hiện diện thương mại (4)	Hiện
Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung	
	<p>Nhà quản lý, Giám đốc điều hành là những người trực tiếp quản lý doanh nghiệp nước ngoài đã thiết lập hiện diện thương mại tại Việt Nam, chỉ chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo chung từ hội đồng quản trị hoặc các cổ đông của doanh nghiệp hoặc cấp tương đương; quản lý doanh nghiệp bao gồm việc chỉ đạo doanh nghiệp đó hoặc một phòng, ban hoặc một đơn vị trực thuộc của hiện diện thương mại, giám sát và kiểm soát công việc của các nhân viên chuyên môn, nhân viên quản lý hoặc nhân viên giám sát khác, có quyền thuế và sa thải hoặc kiến nghị thuế, sa thải hoặc các hoạt động về nhân sự khác. Các nhà quản lý, giám đốc điều hành này không trực tiếp</p>			

Phương thức cung cấp: (1) Hiện của thể nhân	Cung cấp qua biên giới	(2)	Tiêu dùng ở nước ngoài	(3)	Hiện diện thương mại (4)	Hiện
Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung		
	<p>Thực hiện các công việc liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của hiện diện thương mại.</p> <p>Chuyên gia là thể nhân làm việc trong một tổ chức, là người có trình độ chuyên môn cao và có kiến thức về dịch vụ, thiết bị nghiên cứu, kỹ thuật hay quản lý của tổ chức đó. Để đánh giá kiến thức này, cần xem xét không chỉ kiến thức cụ thể đối với hình thức hiện diện thương mại đó mà phải xem xét cả việc người đó có kỹ năng hoặc chuyên môn cao liên quan đến thương mại hoặc một loại công việc đòi hỏi kiến thức chuyên ngành hay không.</p> <p>Chuyên gia có thể bao gồm, nhưng không chỉ bao gồm, các thành viên của một ngành nghề chuyên môn được cấp phép.</p>					
	(b) <u>Nhân sự khác</u>	<p>Các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia, như được định nghĩa ở mục (a) trên đây, mà người Việt Nam không thể thay thế, do một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam</p>				

Phương thức cung cấp: (1) điện của thẻ nhân	Cung cấp qua biên giới (2)	Tiêu dùng ở nước ngoài (3)	Hiện diện thương mại (4)	Hiện
Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung	
	<p>tuyên dụng bên ngoài lãnh thổ Việt Nam để tham gia vào hoạt động của doanh nghiệp này trên lãnh thổ Việt Nam, được phép nhập cảnh và lưu trú theo thời hạn của hợp đồng lao động có liên quan hoặc trong một thời gian lưu trú ban đầu là 3 năm, tùy theo thời hạn nào ngắn hơn và sau đó có thể được gia hạn tùy thuộc vào thời hạn của hợp đồng lao động giữa họ với hiện diện thương mại này.</p> <p>(c) <u>Người chào bán dịch vụ</u></p> <p>Là những người không sống tại Việt Nam và không nhận thù lao từ bất cứ nguồn nào tại Việt Nam, tham gia vào các hoạt động liên quan đến việc đại diện cho một nhà cung cấp dịch vụ để đàm phán tiêu thụ dịch vụ của nhà cung cấp đó, với điều kiện:</p> <p>(i) không được bán trực tiếp dịch vụ đó cho công chúng và (ii) người chào bán không trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ. Thời gian lưu trú của những người chào bán dịch vụ này không được quá 90 ngày.</p>			

Phương thức cung cấp: (1) diện của thể nhân	Cung cấp qua biên giới	(2)	Tiêu dùng ở nước ngoài	(3)	Hiện diện thương mại (4)	Hiện
Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia			Cam kết bổ sung	
	<p>(d) Người chịu trách nhiệm thành lập <u>hiện diện thương mại</u>:</p> <p>Là các nhà quản lý và giám đốc điều hành (như định nghĩa tại mục (a) ở trên) của một pháp nhân, chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại của một nhà cung cấp dịch vụ của một Thành viên tại Việt Nam, với điều kiện (i) những người này không tham gia trực tiếp vào việc bán hàng hay cung cấp dịch vụ; và (ii) nhà cung cấp dịch vụ đó có địa bàn kinh doanh chính tại lãnh thổ của một Thành viên WTO không phải Việt Nam và chưa có bất kỳ hiện diện thương mại nào khác ở Việt Nam. Thời hạn lưu trú của những người này là không quá 90 ngày.</p>					
	<p>(e) Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng (CSS)</p> <p>Các thể nhân làm việc trong một doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam có thể nhập cảnh và lưu trú tại Việt Nam trong thời hạn 90 ngày hoặc theo thời hạn hợp đồng, tùy thời hạn nào ngắn hơn,</p>					

Phương thức cung cấp: (1) điện của thẻ nhân	Cung cấp qua biên giới (2)	Tiêu dùng ở nước ngoài (3)	Hiện diện thương mại (4)	Hiện
Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường nếu đáp ứng được các điều kiện và yêu cầu sau:	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung	
	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp nước ngoài đã có hợp đồng dịch vụ với một doanh nghiệp Việt Nam hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể thiết lập các thủ tục cần thiết để bảo đảm tính xác thực của hợp đồng. - Những người này phải có: <ul style="list-style-type: none"> (a) bằng đại học hoặc chứng chỉ chuyên môn kỹ thuật chứng nhận có kiến thức tương đương; (b) trình độ chuyên môn, nếu cần, để thực hiện công việc trong lĩnh vực liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam; và (c) ít nhất 5 năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực này. - Số lượng các thẻ nhân quy định trong hợp đồng không được nhiều hơn mức cần thiết để thực hiện hợp đồng do pháp luật quy định và theo yêu cầu của Việt Nam. Những người này đã làm việc cho doanh nghiệp 			

Phương thức cung cấp: (1) điện của thể nhân	Cung cấp qua biên giới (2)	Tiêu dùng ở nước ngoài (3)	Hiện diện thương mại (4)	Hiện
Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung	
	<p>nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất hai năm và phải đáp ứng các điều kiện đối với "chuyên gia" như đã mô tả ở trên.</p> <p>Những người này được nhập cảnh để cung cấp dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính (CP 841-845, 849) và dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672).</p>			
II. CAM KẾT CỤ THỂ CHO TỪNG NGÀNH				
1. CÁC DỊCH VỤ KINH DOANH				
A. Dịch vụ chuyên môn				
(a) Dịch vụ pháp lý (CPC 861, không bao gồm :	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
- tham gia tố tụng với tư cách là người bảo chữa hay đại diện cho khách hàng của mình trước Tòa án Việt Nam;				
- Dịch vụ giấy tờ pháp lý và công chứng liên quan tới pháp luật Việt Nam).				

Phương thức cung cấp: (1) diện của thẻ nhân	Cung cấp qua biên giới	(2)	Tiêu dùng ở nước ngoài	(3)	Hiện diện thương mại	(4)	Hiện
Ngành và phân ngành		Hạn chế tiếp cận thị trường		Hạn chế đối xử quốc gia		Cam kết bổ sung	
(b) Dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán (CPC 862)	(4) Kiểm toán viên nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ kiểm toán tại Việt Nam theo các điều kiện sau đây: - Cử trú hợp pháp tại Việt Nam ít nhất là 1 năm. - Có Chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ Tài chính Việt Nam cấp hoặc chứng chỉ kế toán / kiểm toán viên do tổ chức nước ngoài được công nhận bởi Bộ Tài chính Việt Nam và vượt qua một kỳ kiểm tra về luật và quy định của Việt Nam; - Được đăng ký trong danh sách kiểm toán viên hành nghề do Bộ Tài chính Việt Nam hoặc Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) quản lý. - Có hợp đồng lao động với doanh nghiệp kiểm toán được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.			
(c) Dịch vụ thuế (CPC 863)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.				
(d) Dịch vụ kiến trúc (CPC 8671)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.				

Phương thức cung cấp: (1) điện của thể nhân	Cung cấp qua biên giới	(2)	Tiêu dùng ở nước ngoài	(3)	Hiện diện thương mại	(4)	Hiện
Ngành và phân ngành		Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia		Cam kết bổ sung		
(e) Dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672)		(4) Các nhà cung cấp dịch vụ tư vấn kỹ thuật chỉ có thể đưa vào Việt Nam người quản lý, nhân viên kỹ thuật mà Việt Nam không thể cung cấp. Nội dung khác như các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.			
(f) Dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673)							
(g) Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 8674)		(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.			
(i) Dịch vụ thú y (CPC 932) ²		(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.			
B. Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan (CPC 841-845, CPC 849)							
		(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.			
C. Dịch vụ nghiên cứu và phát triển							
(a) Dịch vụ nghiên cứu và phát triển đối với khoa học tự nhiên (CPC 851)		(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.			
E. Dịch vụ cho thuê không kèm người điều khiển							
(b) Dịch vụ cho thuê máy bay (CPC 83104)		(4) Như các cam kết chung.	(4) Như các cam kết chung.	(4) Như các cam kết chung.			
d. Dịch vụ cho thuê máy móc và thiết bị khác		(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.			

² Phạm vi cam kết không bao gồm việc lưu giữ giống vi sinh vật dùng trong thú y.

Phương thức cung cấp: (1)	Cung cấp qua biên giới (2)	Tiêu dùng ở nước ngoài (3)	Hiện diện thương mại (4)	Hiện diện của thể nhân
Ngành và phân ngành (CPC 83109)		Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
F. Các dịch vụ kinh doanh khác				
(a) Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	Việc quảng cáo rượu phải tuân thủ các quy định của Nhà nước được áp dụng trên cơ sở không phân biệt đối xử.
(b) Dịch vụ nghiên cứu thị trường (CPC 864, trừ 86402)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
(c) Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
(d) Dịch vụ liên quan đến tư vấn quản lý <ul style="list-style-type: none"> - CPC 866, trừ CPC 86602 - Dịch vụ trọng tài và hòa giải đối với tranh chấp thương mại giữa các thương nhân (CPC 86602**) 	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
(e) Dịch vụ phân tích và Kiểm định kỹ thuật (CPC 8676 ngoại trừ việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
(f) Dịch vụ liên quan đến nông	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết	

Phương thức cung cấp: (1) điện của thể nhân	Cung cấp qua biên giới (2)	Tiêu dùng ở nước ngoài (3)	Hiện diện thương mại (4)	Hiện
Ngành và phân ngành nghiệp, sản bản và lâm nghiệp (CPC 881) ³	Hạn chế tiếp cận thị trường chung.	Hạn chế đối xử quốc gia chung.	Cam kết bổ sung	
(h) <u>Dịch vụ liên quan đến khai thác mỏ (CPC 883)</u>				
1. Cam kết tại phần này không bao gồm các hoạt động sau: cung ứng vật tư, thiết bị và hoá phẩm, dịch vụ căn cứ, dịch vụ tàu thuyền, dịch vụ sinh hoạt, đời sống, dịch vụ bay.				
2. Cam kết tại phần này không ảnh hưởng tới quyền của Chính phủ Việt Nam trong việc đưa ra các quy định và thủ tục cần thiết để quản lý các hoạt động có liên quan tới dầu và khí trong phạm vi lãnh thổ hoặc quyền tài phán của Việt Nam phù hợp với các quyền và nghĩa vụ của Việt Nam theo GATS.				
	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.		
(i) Dịch vụ liên quan đến sản xuất (CPC 884 và 885)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.		
(m) Dịch vụ liên quan đến tư vấn khoa học kỹ thuật ⁴ (chỉ đối với CPC 86751, 86752 và 86753)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.		
(n) Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác) (CPC 633)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.		

³ Không cam kết đối với các dịch vụ điều tra, đánh giá và khai thác rừng tự nhiên bao gồm khai thác gỗ và sản bản, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, dịch vụ chụp ảnh hàng không, gieo hạt và phun thuốc hóa chất bằng máy bay, quản lý quỹ gien cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp. Để làm rõ nội dung cam kết, dịch vụ chăn nuôi và phát triển nguồn giống là thuộc phạm vi cam kết.

⁴ Việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến đánh giá trữ lượng, khảo sát, thăm dò và khai thác phải tuân thủ quy định và pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
<p>2. CÁC DỊCH VỤ THÔNG TIN</p> <p>B. Các dịch vụ chuyển phát (CPC 7512**)</p> <p>* Dịch vụ chuyển phát nhanh⁵, tức là dịch vụ gồm thu gom, chia chọn, vận chuyển và phát trong nước hoặc quốc tế:</p> <p>(a) Thông tin dưới dạng văn bản⁶, thẻ hiện trên bất kỳ hình thức vật lý nào, bao gồm cả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - dịch vụ có lai ghép (hybrid mail service); - thông tin quảng cáo trực tiếp (direct mail). <p>Trừ việc xử lý các vật gửi là thông tin dưới dạng văn bản có giá cước dịch vụ thấp hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10 lần giá cước của một bức thư tiêu chuẩn gửi trong nước ở nấc khối lượng đầu tiên - 9 Đô-la Mỹ (USD) khi gửi quốc tế; 	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	<p>Dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của các Thành viên sẽ được dành cho sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho Bưu chính Việt Nam hoặc các công ty con của Bưu chính Việt Nam đối với các hoạt động cạnh tranh.</p>

⁵ Các dịch vụ chuyển phát nhanh có thể bao gồm, ngoài yếu tố tốc độ xử lý nhanh hơn và độ tin cậy cao hơn, các yếu tố giá tăng giá trị như thu gom tận tay người gửi, phát tận tay người nhận, truy tìm và định vị, khả năng thay đổi nơi nhận và địa chỉ nhận trong khi đang vận chuyển, báo phát.

⁶ Thông tin dưới dạng văn bản bao gồm thư tín, bưu thiếp, văn bản viết tay, hoặc ấn phẩm như sách, báo, ấn phẩm định kỳ, tạp chí, hoặc các chứng từ thương mại như hóa đơn, quảng cáo/báo giá, v.v.

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
<p>với điều kiện tổng khối lượng của các vật phẩm này không quá 2000 gam.</p>			
<p>(b) Kiện⁷ và các hàng hóa khác. * Xử lý các vật phẩm không ghi địa chỉ người nhận (non-addressed items).</p>			

⁷ Phần này bao gồm cả sách và ca-ta-lô (catalogues).

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
<p>C. Dịch vụ viễn thông</p> <p>Các cam kết dưới đây phù hợp với "Thông báo về việc đưa ra các cam kết về dịch vụ viễn thông cơ bản" (S/GBTM/2/REV.1) và "Thông báo về Hạn chế tiếp cận thị trường liên quan đến độ khả dụng của phổ tần" (S/GBTM/3)". Để phục vụ các cam kết này, một "nhà cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng" có nghĩa là nhà cung cấp không sở hữu dung lượng truyền dẫn nhưng hợp đồng thuê dung lượng từ nhà khai thác, sở hữu dung lượng đó, bao gồm cả dung lượng cấp quang biển, kể cả trên cơ sở dài hạn. Một nhà cung cấp không có hạ tầng mạng được phép sở hữu các trang thiết bị viễn thông trong phạm vi trụ sở hoạt động của mình và tại các điểm cung cấp dịch vụ công cộng được phép (POP).</p>	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	Việt Nam cam kết thực hiện các nghĩa vụ nêu trong Bản Tham chiếu gửi kèm theo và Phụ lục Viễn thông thuộc Chương 8.
<p>(a) Các dịch vụ thoại (CPC 7521)</p> <p>(b) Dịch vụ truyền số liệu chuyển mạch gói (CPC 7523**)</p> <p>(c) Dịch vụ truyền số liệu chuyển mạch kênh (CPC 7523**)</p> <p>(d) Dịch vụ Telex (CPC 7523**)</p> <p>(e) Dịch vụ Telegraph (CPC 7523**)</p> <p>(f) Dịch vụ Facsimile (CPC 7521** + 7529**)</p> <p>(g) Dịch vụ thuê kênh riêng (CPC 7522** + 7523**)</p> <p>(o*) Các dịch vụ khác: Dịch vụ hội nghị truyền hình (CPC 75292)</p> <p>Dịch vụ truyền dẫn tin hiệu video từ truyền quảng bá⁸</p> <p>Các dịch vụ thông tin vô tuyến,</p>			Việt Nam cam kết thực hiện các nghĩa vụ nêu trong Bản Tham chiếu gửi kèm theo và Phụ lục Viễn thông thuộc Chương 8.

⁸ Truyền quảng bá là một chuỗi truyền dẫn liên tục cần thiết cho việc quảng bá các tin hiệu chương trình phát thanh và truyền hình tới công chúng, nhưng không bao gồm các tuyến truyền dẫn giữa các nhà khai thác.

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
bao gồm: + Dịch vụ thoại di động (gồm di động mặt đất và vệ tinh) + Dịch vụ số liệu di động (gồm di động mặt đất và vệ tinh) + Dịch vụ nhắn tin + Dịch vụ PCS + Dịch vụ trung kế vô tuyến + Dịch vụ kết nối Internet (IXP) ⁹ - Dịch vụ viễn thông cơ bản:	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	Việt Nam.
(0*) Các dịch vụ viễn thông khác - Dịch vụ mạng riêng ảo (VPN) ¹⁰	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	Việt Nam cam kết thực hiện các nghĩa vụ nêu trong Bản Tham chiếu gửi kèm theo và Phụ lục Viễn thông thuộc Chương 8. Với các tuyến cáp quang biển công-xooc-xi-om mà Việt Nam là một thành viên sở hữu, các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài sẽ được phép kiểm soát dung lượng truyền dẫn cấp quang biển toàn chủ (nghĩa là quyền sử dụng không tách rời IRU hay dạng sở hữu công-xooc-xi-om) kết cuối tại một trạm cáp bờ được cấp phép tại

⁹ Các dịch vụ cung cấp đường kết nối giữa các nhà cung cấp dịch vụ truy nhập Internet (IAS) này và với mạng trực Internet quốc tế.

¹⁰ Các dịch vụ, được cung cấp trên cơ sở thương mại, gồm thiết lập và quản lý một mạng dùng riêng trên mạng công cộng (mạng dùng chung) để thiết lập liên lạc thoại và số liệu trên cơ sở phi lợi nhuận giữa các thành viên của một nhóm sử dụng khép kín được xác định từ trước khi thiết lập VPN. Nhóm sử dụng khép kín đó có thể là các đơn vị trong một tập đoàn hoặc một tổ chức, hoặc một nhóm các pháp nhân có quan hệ liên kết với nhau để cùng thực hiện lợi ích/mục tiêu chung. Các thành viên ban đầu của nhóm sử dụng khép kín dùng dịch vụ VPN đó phải được liệt kê trong một kế hoạch quay số hoặc định tuyến do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và chịu sự giám sát. Các nhà cung cấp dịch vụ VPN phải thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền những thay đổi về thành viên ít nhất trước 2 tuần làm việc trước khi thực sự bắt đầu cung cấp dịch vụ thương mại và chỉ có thể bắt đầu cung cấp dịch vụ nếu trong hai (2) tuần đó không có sự phân đối của Cơ quan có thẩm quyền. Các thành viên không được phép bán lại các dịch vụ VPN cho một bên thứ 3 không liên quan. Các mạng VPN không được phép truyền/chuyển tiếp lưu lượng của/giữa các bên thứ ba không liên kết. Các dịch vụ VPN có thể được các nhà khai thác dịch vụ có vốn đầu tư nước ngoài cung cấp trong một gói cùng với dịch vụ truy nhập Internet và các dịch vụ giá trị gia tăng từ (h) đến (n).

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
<p>Các dịch vụ giá trị gia tăng</p> <p>(h) Thư điện tử (CPC 7523 **)</p> <p>(i) Thư thoại (CPC 7523 **)</p> <p>(j) Thông tin trực tuyến và truy cập lấy thông tin từ cơ sở dữ liệu (CPC 7523**) (CPC 7523**)</p> <p>(k) Trao đổi dữ liệu điện tử (EDI) (CPC 7523**)</p> <p>(l) Các dịch vụ facsimile gia tăng giá trị, bao gồm lưu trữ và chuyển, lưu trữ và khôi phục (CPC 7523**)</p> <p>(m) Chuyển đổi mã và giao thức</p> <p>(n) Thông tin trực tuyến và xử lý dữ liệu (bao gồm xử lý giao dịch) (CPC 843**)</p>	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	<p>Việt Nam, và cung cấp dung lượng đó cho các nhà cung cấp dịch vụ quốc tế có hạ tầng mạng được cấp phép tại Việt Nam. 03 kể từ ngày hiệp định này có hiệu lực, các nhà khai thác dịch vụ nước ngoài được phép cung cấp dung lượng đó cho các nhà cung cấp dịch vụ VPN quốc tế và IXP quốc tế được cấp phép tại Việt Nam.</p> <p>Việt Nam cam kết thực hiện các nghĩa vụ nêu trong Bản Tham chiếu gửi kèm theo và Phụ lục Viễn thông thuộc Chương 8.</p>

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
Các dịch vụ giá trị gia tăng (o) Dịch vụ khác - Dịch vụ Truy nhập Internet IAS ¹¹	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	Việt Nam cam kết thực hiện các nghĩa vụ nêu trong Bản Tham chiếu gửi kèm theo và Phụ lục Viễn thông thuộc Chương 8.
D. Dịch vụ nghe nhìn Đối với dịch vụ sản xuất, phát hành và chiếu phim, tất cả các phim phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam kiểm duyệt nội dung.			
(a) Dịch vụ sản xuất phim (CPC 96112, trừ băng hình)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
- Dịch vụ phát hành phim (CPC 96113, trừ băng hình)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	

¹¹ Các dịch vụ cung cấp truy nhập Internet cho các khách hàng đầu cuối.

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
(b) Dịch vụ chiếu phim (CPC 96121)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
(e) Dịch vụ ghi âm	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
3. DỊCH VỤ XÂY DỰNG VÀ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT LIÊN QUAN			
A. Thi công xây dựng nhà cao tầng (CPC 512)	(4) Các nhà cung cấp dịch vụ tư vấn kỹ thuật chỉ có thể đưa vào Việt Nam người quản lý, nhân viên kỹ thuật, thợ cả mà Việt Nam không thể cung cấp. Nội dung khác như các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
B. Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513)			
C. Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516)			
D. Công tác hoàn thiện công trình nhà cao tầng (CPC 517)			
E. Các công tác thi công khác (CPC 511, 515, 518)			
4. DỊCH VỤ PHẦN PHỐI			
<u>Các biện pháp áp dụng cho toàn bộ các phân ngành trong dịch vụ phần phối:</u>			
Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm ¹² , thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết.			
A. Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621, 61111, 6113, 6121)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	

¹² Trong biểu cam kết này, “dược phẩm” không bao gồm các sản phẩm bỏ đường phi được phẩm dưới dạng viên nén, viên con nhộng hoặc bột.

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
B. Dịch vụ bán buôn (CPC 622, 61111, 6113, 6121)			
C. Dịch vụ bán lẻ (CPC 631 + 632, 61112, 6113, 6121) ¹³			
D. Dịch vụ nhượng quyền thương mại (CPC 8929)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
5 DỊCH VỤ GIÁO DỤC Chỉ cam kết các lĩnh vực kỹ thuật, khoa học tự nhiên và công nghệ, quản trị kinh doanh và khoa học kinh doanh, kinh tế học, kế toán, luật quốc tế và đào tạo ngôn ngữ. Đối với các phân ngành (B1), (B2), (C), (D) và (E) dưới đây, các lĩnh vực bổ sung sau được cho phép: nông nghiệp, kiến trúc, xây dựng, quản trị kinh doanh, quản lý, khoa học máy tính, xây dựng, hệ thống thông tin, dịch vụ nha khoa, kinh tế học, giáo dục, tư vấn kỹ thuật, môi trường, khảo sát, y tế, dịch vụ cộng đồng, đất đai và tài nguyên biển, chăn nuôi động vật, nghiên cứu ngôn ngữ, luật, nghiên cứu ngôn ngữ, khoa học đời sống, sản xuất, toán, khoa học y tế, dược, giáo dục đa ngành, điều dưỡng, khoa học thể chất, khoa học, dịch vụ, nấu ăn và nghệ thuật tiếp khách, vận tải, khoa học thú y, nghệ thuật xem và biểu diễn. Đối với các phân ngành (B1), (B2), (C), (D) và (E) dưới đây: Chương trình đào tạo phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo của Việt Nam phê chuẩn.			
B. Dịch vụ giáo dục phổ thông cơ sở (CPC 922) trừ B1, B2	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
B1. Dịch vụ giáo dục trung học cơ sở (CPC 922) dành cho học sinh đã hoàn thành 9 năm giáo dục phổ thông theo quy định của luật và quy định liên quan của Việt Nam	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	

¹³ Để làm rõ nội dung cam kết, cam kết này bao gồm cả hoạt động bán hàng đa cấp do các đại lý hoa hồng là cá nhân Việt Nam đã được đào tạo và cấp chứng chỉ phù hợp tiến hành. Các cá nhân này không thực hiện bán hàng tại các địa điểm cố định và nhận thù lao cho cả hoạt động bán hàng lần dịch vụ hỗ trợ bán hàng để góp phần làm tăng doanh số bán hàng của các nhà phân phối khác.

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
B2. Dịch vụ giáo dục trung học kỷ thuật và dạy nghề (CPC 9223) dành cho sinh viên đã hoàn thành 9 năm giáo dục phổ thông theo quy định của luật và quy định liên quan của Việt Nam	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
C. Giáo dục bậc cao (CPC 923)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	Sau khi Hiệp định AANZFTA có hiệu lực, nếu Việt Nam và tất cả các nước ASEAN khác ký bất kỳ hiệp định thương mại dịch vụ nào giữa ASEAN, với tư cách là một khu vực, với một Bên không tham gia AANZFTA, và trong hiệp định thương mại dịch vụ tương lai đó Việt Nam dành cho Bên không tham gia AANZFTA đó đối xử cao hơn mức độ cam kết trong AANZFTA trong ngành giáo dục bậc cao (CPC 923), Việt Nam sẽ dành cho dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ Úc và Niu Di-lân đối xử không kém thuận lợi hơn đối xử mà Việt Nam dành cho dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ tương tự của Bên không tham gia AANZFTA đó.
D. Giáo dục người lớn (CPC 924)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
E. Các dịch vụ giáo dục khác (CPC 929 bao gồm đào tạo ngoại ngữ)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
6. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG Vi lý do an ninh quốc gia, việc tiếp cận một số khu vực địa lý có thể bị hạn chế ¹⁴ .			
A. Dịch vụ xử lý nước thải (CPC 9401)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	Các công ty nước ngoài được phép kinh doanh ở Việt Nam dưới hình thức Xây dựng-Vận hành-Chuyển giao (BOT) và Xây dựng-Chuyển giao-Vận hành (BTO).
B. Dịch vụ xử lý rác thải (CPC 9402) ¹⁵	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	Các công ty nước ngoài được phép kinh doanh ở Việt Nam dưới hình thức Xây dựng-Vận hành-Chuyển giao (BOT) và Xây dựng-Chuyển giao-Vận hành (BTO).
C. Dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ tương tự (CPC 9403)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
D. Dịch vụ bảo vệ thiên nhiên và phong cảnh (CPC 9406)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
E. Dịch vụ khác	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.	
- Dịch vụ làm sạch khí thải (CPC 94040) và dịch vụ xử lý tiếng ồn (CPC 94050)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.	
- Dịch vụ đánh giá tác động môi trường (CPC 94090*)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.	
7. DỊCH VỤ TÀI CHÍNH			
A. Bảo hiểm và các dịch vụ liên			
	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết

¹⁴ Để làm rõ hơn nội dung cam kết, cam kết này cho phép duy trì hoặc áp dụng các hạn chế vì mục tiêu an ninh quốc gia, có thể biện minh được theo Điều XIV và XIV bis của GATS.

¹⁵ Theo luật, việc nhập khẩu chất thải là bị cấm. Việc xử lý và thải bỏ chất thải độc hại được pháp luật điều chỉnh.

Ngành và phân ngành quan đến bảo hiểm	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
<p>a. Bảo hiểm gốc</p> <p>(a) Bảo hiểm nhân thọ, trừ bảo hiểm y tế</p> <p>(b) Bảo hiểm phi nhân thọ</p> <p>b. Tài bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm</p> <p>c. Trung gian bảo hiểm (như môi giới bảo hiểm và đại lý bảo hiểm)</p> <p>d. Dịch vụ hỗ trợ bảo hiểm (như tư vấn, dịch vụ tính toán, đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường)</p>	chung.	chung.	

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
<p>B. Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác</p> <p>Các cam kết về dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác được thực hiện phù hợp với các luật lệ và các qui định liên quan được ban hành bởi các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để đảm bảo sự phù hợp với Điều 2 (a) của GATS và Đoạn 2 (a) của Phụ lục GATS về các Dịch vụ Tài chính và Phụ lục về Dịch vụ Tài chính trong Chương 8.</p> <p>Theo quy định chung và trên cơ sở không phân biệt đối xử, việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ ngân hàng và tài chính khác phải tuân theo các yêu cầu về hình thức pháp lý và thể chế liên quan.</p>			
(a) Nhận tiền gửi và các khoản phải trả khác từ công chúng	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
(b) Cho vay dưới tất cả các hình thức, bao gồm tín dụng tiêu dùng, tín dụng cầm cố thế chấp, bao thanh toán và tài trợ giao dịch thương mại			
(c) Thuê mua tài chính			
(d) Mọi dịch vụ thanh toán và chuyển tiền, bao gồm thẻ tín dụng, thẻ thanh toán và thẻ nợ, séc du lịch và hối phiếu ngân hàng			
(e) Bảo lãnh và cam kết			
(f) Kinh doanh trên tài khoản của mình hoặc của khách hàng, tại sở giao dịch, trên thị trường giao dịch thoả thuận hoặc bằng cách khác như dưới đây:			
-			Cộng cụ thị trường tiền tệ (bao gồm séc, hối phiếu, chứng chỉ tiền gửi);
-			Ngoại hối;
-			Các công cụ tỷ giá và lãi suất,

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
<p>bao gồm các sản phẩm như hợp đồng hoán đổi, hợp đồng kỳ hạn; Vàng khối.</p> <p>(h) Môi giới tiền tệ</p> <p>(i) Quản lý tài sản, như: quản lý tiền mặt hoặc danh mục đầu tư, mọi hình thức quản lý đầu tư tập thể, quản lý quỹ hưu trí, các dịch vụ lưu ký và tin thác</p> <p>(j) Các dịch vụ thanh toán và bù trừ tài sản tài chính, bao gồm chứng khoán, các sản phẩm phái sinh và các công cụ chuyển nhượng khác</p> <p>(k) Cung cấp và chuyển thông tin tài chính và xử lý dữ liệu tài chính cũng như các phần mềm liên quan của các nhà cung cấp các dịch vụ tài chính khác</p> <p>(l) Các dịch vụ tư vấn, trung gian môi giới và các dịch vụ tài chính phụ trợ khác đối với tất cả các hoạt động được nêu từ các tiêu mục (a) đến (k), kể cả tham chiếu và phân tích tín dụng, nghiên cứu và tư vấn đầu tư và danh mục đầu tư, tư vấn về mua lại và về tái cơ cấu và chiến lược doanh nghiệp</p>			

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
C. Chứng khoán	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
(f) Giao dịch cho tài khoản của mình hoặc tài khoản của khách hàng tại sở giao dịch chứng khoán, thị trường giao dịch trực tiếp (OTC) hay các thị trường khác những sản phẩm sau:			
- Các công cụ phái sinh, bao gồm cả hợp đồng tương lai và hợp đồng quyền lựa chọn;			
- Các chứng khoán có thể chuyển nhượng;			
- Các công cụ có thể chuyển nhượng khác và các tài sản tài chính, trừ vàng khối.			
(g) Tham gia vào các đợt phát hành mọi loại chứng khoán, bao gồm bảo lãnh phát hành, và làm đại lý bán (chào bán ra công chúng hoặc chào bán riêng), cung cấp các dịch vụ liên quan đến các đợt phát hành đó			
(i) Quản lý tài sản như quản lý danh mục đầu tư, mọi hình thức quản lý đầu tư tập thể, quản lý quỹ hưu trí, các dịch vụ lưu ký và tín thác			
(j) Các dịch vụ thanh toán và thanh toán bù trừ chứng khoán, các công cụ phái sinh và các sản phẩm liên quan đến chứng khoán khác			
(k) Cung cấp và chuyển thông tin tài chính, các phần mềm liên quan của các nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán			

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
(1) Tư vấn, trung gian và các dịch vụ phụ trợ liên quan đến chứng khoán, ngoại trừ các hoạt động tại tiểu mục (f), bao gồm tư vấn và nghiên cứu đầu tư, danh mục đầu tư, tư vấn về mua lại công ty, lập chiến lược và cơ cấu lại công ty. (Đối với các dịch vụ khác tại tiểu mục (1), tham chiếu tiểu mục (1) trong phần cam kết về dịch vụ ngân hàng)			
8. DỊCH VỤ Y TẾ VÀ XÃ HỘI			
A. Dịch vụ bệnh viện (CPC 9311) B. Các dịch vụ nhà khoa và khám bệnh (CPC 9312), gồm: - Các dịch vụ y tế đa khoa (CPC 93121) - Các dịch vụ y tế chuyên khoa (CPC 93122) - Các dịch vụ nha khoa (CPC 93123) C. Các dịch vụ do nữ hộ sinh, điều dưỡng, cân bộ vật lý trị liệu và các cân bộ cận y tế cung cấp (CPC 93191) D Các dịch vụ sức khỏe con người khác F. Dịch vụ xã hội và dịch vụ y tế liên quan	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
Dịch vụ xã hội (CPC 933) - Dịch vụ xã hội gắn với phòng ở (CPC 9331) - Dịch vụ xã hội không gắn với phòng ở (CPC 9332)			
9. DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ LIÊN QUAN			
A. Khách sạn và nhà hàng bao gồm - Dịch vụ xếp chỗ ở khách sạn (CPC 64110) - Dịch vụ cung cấp thức ăn (CPC 642) và đồ uống (CPC 643)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
B. Dịch vụ đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch (CPC 7471)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
C. Dịch vụ khác Công viên du lịch theo chủ đề	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
10. DỊCH VỤ GIẢI TRÍ, VĂN HOÁ VÀ THỂ THAO			
A. Dịch vụ giải trí (bao gồm nhà hát, nhạc sống và xiếc) (CPC 9619)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
D. Dịch vụ khác - Kinh doanh trò chơi điện tử (CPC 964**)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
11. DỊCH VỤ VẬN TẢI			
A. Dịch vụ vận tải biển (a) Dịch vụ vận tải hành khách, trừ	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	Các nhà cung cấp dịch vụ vận tải đường biển quốc tế được sử dụng các dịch vụ sau đây tại cảng dựa trên các

Ngành và phân ngành vận tải nội địa (CPC 7211)	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
(b) Dịch vụ vận tải hàng hóa, trừ vận tải nội địa (CPC 7212)			điều kiện hợp lý và không phân biệt đối xử: 1. Hoa tiêu; 2. Lai đất; 3. Cung cấp lương thực, thực phẩm nhiên liệu và nước; 4. Thu gom nước và nước dãn thải; 5. Dịch vụ của cảng vụ; 6. Phao tiêu báo hiệu; 7. Các dịch vụ trên bờ cần thiết cho hoạt động của tàu, bao gồm thông tin liên lạc, cung cấp điện và nước; 8. Trang thiết bị sửa chữa khẩn cấp; 9. Dịch vụ neo đậu, cập cầu và neo buồm tàu; 10. Tiếp cận các dịch vụ đại lý hàng hải. ¹⁶
(c) Dịch vụ cho thuê tàu cùng đoàn thủy thủ (CPC 7213)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
(d) Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa tàu biển (CPC 8868*)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	

¹⁶ Đối với việc tiếp cận và sử dụng đại lý hàng hải được qui định trong cột Cam kết bổ sung, khi vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, vận tải ven biển và trong đất liền, và các dịch vụ hỗ trợ liên quan không được quy định đây đủ trong biểu cam kết thì người khai thác dịch vụ vận tải đa phương thức có thể tiếp cận các nhà cung cấp dịch vụ đại lý hàng hải của Việt Nam để thuê xe tải, toa xe đường sắt, xà lan hoặc các thiết bị liên quan với mục đích giao nhận nội địa hàng hoá được vận chuyển bằng đường biển quốc tế.

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
Các dịch vụ hỗ trợ vận tải biển - Dịch vụ xếp dỡ công-ten-nơ (CPC 7411) ¹⁷	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
- Dịch vụ Đại lý vận tải biển (CPC 7454*)	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
- Dịch vụ thông quan ¹⁸	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
Dịch vụ kho bãi công-ten-nơ ¹⁹	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
B. Dịch vụ vận tải đường thủy nội địa	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
(a) Dịch vụ vận tải hành khách (CPC 7221)			
(b) Dịch vụ vận tải hàng hóa (CPC 7222)			
(c) Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa tàu sông (CPC 8868*)			

¹⁷ Có thể dành riêng một số khu vực để cung cấp các dịch vụ công hoặc áp dụng thủ tục cấp phép tại các khu vực này.

¹⁸ "Dịch vụ thông quan" (hay "dịch vụ môi giới hải quan") là các hoạt động bao gồm việc thay mặt một bên khác thực hiện các thủ tục hải quan liên quan tới xuất khẩu, nhập khẩu hoặc quá cảnh hàng hóa, dù dịch vụ này là hoạt động chính hay chỉ là một phần bổ sung thông thường trong hoạt động chính của nhà cung cấp dịch vụ.

¹⁹ "Dịch vụ kho bãi công-ten-nơ" là các hoạt động bao gồm lưu kho công-ten-nơ, dù ở khu vực cảng hay trong nội địa, nhằm chất hàng vào/dỡ hàng ra, sửa chữa và chuẩn bị công-ten-nơ sẵn sàng cho việc gửi hàng.

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
C. Dịch vụ vận tải hàng không	(4) Như các cam kết chung.	(4) Như các cam kết chung.	
(a) Dịch vụ bán và tiếp thị sản phẩm hàng không			
(b) Dịch vụ đặt, giữ chỗ bằng máy tính (CPC 7523)	(4) Như các cam kết chung.	(4) Như các cam kết chung.	
(c) Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa tàu bay (CPC 8868**)	(4) Như các cam kết chung.	(4) Như các cam kết chung.	
(d) Dịch vụ cho thuê tàu bay cùng phi hành đoàn (CPC 734)	(4) Như các cam kết chung.	(4) Như các cam kết chung.	
(e) Dịch vụ giao nhận Vận tải hàng không	(4) Như các cam kết chung.	(4) Như các cam kết chung.	
E. Dịch vụ vận tải đường sắt	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
(a) Dịch vụ vận tải hành khách (CPC 7111)			
(b) Dịch vụ vận tải hàng hóa (CPC 7112)			
(c) Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị vận tải đường sắt (CPC 8868)	(4) Chưa cam kết	(4) Chưa cam kết	
F. Dịch vụ vận tải đường bộ	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
(a) Dịch vụ vận tải hành khách (CPC 7121+7122)			
(b) Dịch vụ vận tải hàng hóa (CPC 7123)			

Ngành và phân ngành	Hạn chế tiếp cận thị trường	Hạn chế đối xử quốc gia	Cam kết bổ sung
H. Dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải (a) Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa cảng biển (CPC 741) (b) Dịch vụ xếp dỡ công-ten-nơ, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay (một phần của CPC 7411) (c) Dịch vụ xếp dỡ công-ten-nơ (CPC 7411) (d) Dịch vụ kho bãi (CPC 742) (e) Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 748) ²⁰ (f) Dịch vụ môi giới tàu (g) Các dịch vụ khác (một phần của CPC 749) ²¹	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.	
	(4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung.		

²⁰ Bao gồm cả dịch vụ giao nhận hàng hoá. Các dịch vụ này bao gồm các hoạt động tổ chức và điều hành các hoạt động chuyển chở hàng hóa thay mặt người gửi hàng thông qua việc kiểm dịch vụ vận tải và các dịch vụ liên quan, chuẩn bị chứng từ và cung cấp thông tin kinh doanh.

²¹ Bao gồm các hoạt động sau: kiểm tra vận đơn; dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa; giám định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; giám định hàng hóa; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải. Các dịch vụ này được thực hiện thay mặt cho chủ hàng.

Tài liệu Tham chiếu

Phạm vi

Các định nghĩa và nguyên tắc sau được áp dụng cho Khung khổ quản lý nhà nước đối với các dịch vụ viễn thông cơ bản.

Định nghĩa

Người sử dụng là những người tiêu thụ dịch vụ và những người cung cấp dịch vụ.

Trang thiết bị thiết yếu là các trang thiết bị của một mạng lưới hay dịch vụ truyền dẫn viễn thông mà:

- (a) do một hoặc một số lượng hạn chế các nhà cung cấp cung cấp trên cơ sở độc quyền hoặc chi phối.
- (b) không thể thiếu được cả về mặt kỹ thuật và kinh tế trong việc cung cấp dịch vụ.

Nhà cung cấp chính là nhà cung cấp có khả năng tác động về mặt vật chất tới các điều khoản về tham gia (liên quan tới giá cả và cung cấp) trong thị trường dịch vụ viễn thông cơ bản có liên quan dưới hình thức:

- (a) Kiểm soát các trang thiết bị thiết yếu; hoặc
- (b) có vị thế đáng kể trên thị trường.

1. Bảo vệ cạnh tranh

1.1 Tránh các hành vi phi cạnh tranh trong viễn thông

Các biện pháp phù hợp phải được thực hiện nhằm mục đích ngăn cản các nhà cung cấp chính, riêng rẽ hoặc tập hợp, trong việc tham gia vào hoặc tiếp diễn các hành vi phi cạnh tranh.

1.2 Bảo vệ

Các hành vi phi cạnh tranh nêu ở phần trên bao gồm cụ thể như sau:

- (a) tham gia vào việc trợ giá chéo mang tính phi cạnh tranh;
- (b) sử dụng các thông tin thu được từ các đối thủ cạnh tranh với mục đích phi cạnh tranh; và
- (c) không cung cấp cho các nhà cung cấp khác các thông tin kịp thời về kỹ thuật liên quan đến các trang thiết bị thiết yếu và các thông tin liên quan về thương mại mà những thông tin này cần thiết cho các nhà cung cấp khác để có thể cung cấp dịch vụ.

2 Kết nối

- 2.1 Phần này áp dụng cho việc kết nối với các nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng truyền dẫn viễn thông công cộng nhằm cho phép một nhà cung cấp có thể giao tiếp được với các khách hàng của một nhà cung cấp khác và với các dịch vụ truy cập của một nhà cung cấp khác, nếu trong cam kết chi tiết có nêu ra.
- 2.2 Đảm bảo về Kết nối
Kết nối với một nhà khai thác chính cần được bảo đảm tại mỗi điểm của mạng lưới nếu kỹ thuật cho phép. Việc kết nối này được thực hiện:
- (a) theo các điều khoản, điều kiện về không phân biệt đối xử (bao gồm các tiêu chuẩn và chỉ tiêu kỹ thuật) và mức cước phí và chất lượng không được kém hơn mức cước phí và chất lượng cung cấp cho các dịch vụ tương ứng của nhà cung cấp chính, hoặc các các dịch vụ tương ứng của các nhà cung cấp không liên kết, hoặc cho các chi nhánh của nhà cung cấp chính, hoặc các thành viên liên kết khác.
 - (b) theo các điều khoản, điều kiện hợp thời (gồm các tiêu chuẩn và chỉ tiêu kỹ thuật) và mức lệ phí tính dựa trên chi phí và minh bạch, hợp lý, trong đó có tính tới tính khả thi về kinh tế và đã bóc tách chi phí phù hợp để một nhà cung cấp không phải trả cho những thành tố hoặc trang thiết bị mạng lưới mà nhà cung cấp này không dùng đến khi cung cấp dịch vụ.
 - (c) khi được yêu cầu và tại các điểm ngoài các điểm kết cuối mạng nhằm phục vụ cho đa số người sử dụng, và với mức lệ phí phần ánh chi phí xây dựng các trang thiết bị bổ sung cần thiết.
- 2.3 Công bố công khai các thủ tục về Đàm phán kết nối
Các thủ tục áp dụng cho kết nối vào một nhà cung cấp chính phải được công bố công khai.
- 2.4 Công khai minh bạch về các Thỏa thuận Kết nối
Cần đảm bảo sao cho một nhà cung cấp chính phải công bố các thỏa thuận về kết nối của mình hoặc một mẫu thỏa thuận về kết nối mang tính tham khảo.
- 2.5 Kết nối: Giải quyết tranh chấp
Một nhà cung cấp dịch vụ có yêu cầu kết nối với một nhà cung cấp chính có thể khiếu nại:
- (a) tại bất kỳ thời điểm nào, hoặc
 - (b) sau một khoảng thời gian hợp lý được công bố công khai
- với một cơ quan độc lập của nước sở tại, mà có thể là cơ quan quản lý nhà nước như đã đề cập ở đoạn 5 ở trên, để giải quyết các tranh chấp về các điều khoản, điều kiện và lệ phí kết nối trong một khoảng thời gian hợp lý, để đạt tới một mức độ mà các điều khoản, điều kiện và lệ phí này trước kia chưa được xác lập.

3. Dịch vụ phổ cập

Bất kỳ Thành viên nào của WTO đều có quyền xác định ra nghĩa vụ cung cấp dịch vụ phổ cập mà mình muốn duy trì. Các nghĩa vụ như vậy tự chúng không bị coi là phi cạnh tranh, với điều kiện chúng được quản lý một cách minh bạch, không phân biệt đối xử, trung lập về cạnh tranh và không được phiến hà hơn mức cần thiết mà Thành viên đó đã xác định đối với dịch vụ phổ cập.

4. Công bố công khai các tiêu chí cấp phép

Nếu có yêu cầu về cấp phép, những thông tin sau cần được công bố công khai:

- (a) mọi tiêu chí cấp phép và khoảng thời gian thông thường cần thiết để thụ lý hồ sơ cấp phép; và
- (b) các điều khoản, điều kiện đối với từng giấy phép cụ thể.

Các lý do từ chối cấp phép cần được báo cho bên nộp hồ sơ xin cấp phép nếu có yêu cầu.

5. Các cơ quan quản lý nhà nước độc lập

Cơ quan quản lý nhà nước phải là đơn vị tách riêng và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ một nhà cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản nào. Các quyết định và quy trình thủ tục mà các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng phải khách quan đối với tất cả các đối tượng tham gia vào thị trường.

6. Phân bổ và sử dụng các nguồn quỹ hiểm

Bất kỳ quy trình thủ tục nào áp dụng cho việc phân bổ và sử dụng các nguồn quỹ hiểm, bao gồm tần số vô tuyến, kho số và các quyền đi dây (right of way), đều phải được tiến hành một cách khách quan, kịp thời, minh bạch và không phân biệt đối xử. Hiện trạng phân bổ các băng tần vô tuyến phải được công bố công khai, tuy nhiên chi tiết về các tần số phân bổ cho mục đích sử dụng đặc biệt của chính phủ thì không cần thiết phải công bố.

**ASEAN AGREEMENT ON MOVEMENT OF NATURAL PERSONS
VIETNAM'S SCHEDULE OF SPECIFIC COMMITMENTS¹**

¹ Note: The scheduling of specific commitments follows the Guidelines for the Scheduling of Specific Commitments (WTO Document S/L/92, dated March 28, 2001). The Guidelines shall not, however, be construed as being legally binding.

Mode of delivery: (4) Presence of natural person	Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
<p>I. HORIZONTAL COMMITMENTS</p>				
		<p>Until such time as Viet Nam adopts domestic laws, regulations or policies which enable it to accord substantially the same treatment to the permanent residents of another country as it does to the nationals of that country, the obligations of Viet Nam with respect to the permanent residents of the other Parties shall be limited to its obligations under the GATS, as specified in its Protocol of Accession to the WTO, and the obligations of the other Parties with respect to the permanent residents of Viet Nam, shall be limited to their obligations under the GATS.</p>		
<p>ALL SECTORS INCLUDED IN THIS SCHEDULE</p>		<p>(4) Unbound, except measures relating to entry and temporary stay of natural persons who fall in one of the following categories:</p> <p>(a) Intra-corporate transferees</p> <p>Managers, executives and specialists, as defined hereunder, of a foreign enterprise which has established a commercial presence in the territory of Viet Nam, temporarily moving as intra-corporate transferees to that commercial presence and who have been previously employed by the foreign enterprise for at least one year, shall be granted entry and a stay permit for an initial period of three years</p>	<p>(4) Unbound, except as indicated in market access column.</p>	

Mode of delivery: (4) Presence of natural person			
Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
	<p>which may be extended subject to the term of operation of those entities in Viet Nam. At least 20% of the total number of managers, executives and specialists shall be Vietnamese nationals. However, a minimum of 3 non-Vietnamese managers, executives and specialists shall be permitted per enterprise.</p> <p>Managers and executives are those who primarily direct the management of the foreign enterprises which have established commercial presence in Viet Nam, receiving only general supervision or direction from the board of directors or stockholders of the business or their equivalent, including directing the establishment or a department or subdivision of the establishment, supervising and controlling the work of other supervisory, professional or managerial employees, having the authority personally to hire and fire or recommend hiring, firing or other personnel actions, and who do not directly perform tasks concerning the actual supply of the services of the establishment.</p> <p>Specialists are natural persons working within an organization who possess knowledge at an advanced level of expertise and with knowledge of the organization's services, research equipment, techniques or management.</p>		

Mode of delivery: (4) Presence of natural person Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
	<p>In assessing such knowledge, account will be taken not only of knowledge specific to the commercial presence, but also of whether the person has a high level of skills or qualification referring to a type of work or trade requiring specific technical knowledge. Specialists may include, but are not limited to, members of licensed professions.</p> <p>(b) Other personnel</p> <p>Managers, executives and specialists, as defined in (a) above, who cannot be substituted by Vietnamese and who are employed outside Viet Nam's territory by a foreign enterprise which has established a commercial presence in the territory of Viet Nam with a view to participating in the foreign enterprise's activities in Viet Nam, shall be granted entry and a stay permit in conformity with the term of the concerned employment contract or for an initial period of three years whichever is shorter, which may be extended subject to the employment contract between them and the commercial presence.</p> <p>(c) Service sales persons</p> <p>Persons not based in the territory of Viet Nam and receiving no remuneration from a source located within Viet Nam, and who are engaged in activities related to representing a service provider for the</p>		

Mode of delivery: (4) Presence of natural person			
Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
	<p>purpose of negotiating for the sale of the services of that provider where: (i) such sales are not directly made to the general public; and (ii) the salesperson is not directly engaged in supplying the service. The stay of these salespersons is limited to a 90-day period.</p> <p>(d) Persons responsible for setting up a commercial presence</p> <p>Managers and executives (as defined in (a) above) within a juridical person, who are responsible for the setting up, in Viet Nam, of a commercial presence of a service provider of a Party when (i) these people are not engaged in making direct sales or supplying services; and (ii) the service provider has its principal place of business in the territory of a Party other than Viet Nam and has no other commercial presence in Viet Nam. The stay of these persons is limited to a 90-day period.</p> <p>(e) Contractual service suppliers (CSS)</p> <p>Natural persons who are employees of a foreign enterprise having no commercial presence in Viet Nam may enter and stay in Viet Nam for a period of 90 days or for the duration of the contract, whichever is less provided that the following conditions and requirements shall be applied:</p>		

Mode of delivery: (4) Presence of natural person Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
	<p>- The foreign enterprise has obtained a service contract from a Vietnamese enterprise engaged in business operation in Viet Nam. The competent authority of Viet Nam must be able to establish the necessary procedures to guarantee the bona fide character of the contract.</p> <p>- These persons must possess: (a) a university degree or a technical qualification document demonstrating knowledge of an equivalent level; (b) professional qualifications where this is required to exercise an activity in the sector concerned pursuant to the laws and regulations of Viet Nam; and (c) at least 5 years of professional experience in the sector.</p> <p>- The number of these persons covered by the service contract shall not be larger than necessary to fulfil the contract, as it may be decided by the laws and regulations and requirement of Viet Nam.</p> <p>- These persons have been employed by the foreign enterprise having no commercial presence in Viet Nam for a period of no less than 2 years and have met the requirements prescribed for "specialist" above.</p> <p>The entry of these persons is allowed for computer and related services (CP 841-845, 849) and engineering services (CPC 8672).</p>		

Mode of delivery: (4) Presence of natural person				
Sectors and sub-sectors		Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
II. SECTOR-SPECIFIC COMMITMENTS				
I. BUSINESS SERVICES				
A. Professional Services				
<p>(a) Legal services (CPC 861, excluding:</p> <ul style="list-style-type: none"> - participation in legal proceedings in the capacity of defenders or representatives of their clients before the courts of Viet Nam; - legal documentation and certification services of the laws of Viet Nam) 	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.		
<p>(b) Accounting and auditing and bookkeeping services (CPC 862)</p>	<p>(4) Foreign auditors are allowed to provide auditing services in Viet Nam under the following conditions:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Legally resident in Viet Nam for at least 1 year. - Possess auditor certificate granted by Viet Nam Ministry of Finance or accountant/auditor certificate issued by foreign institution recognised by Viet Nam Ministry of Finance and pass an examination on Viet Nam laws and regulations; - Be registered in the list of practicing auditors managed by Viet Nam Ministry of Finance or Viet Nam Association of Certified Public Accountants (VACPA). - Have the employment contract with an auditing firm being established and operating under the laws of Vietnam. 	<p>(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.</p>		

Mode of delivery: (4) Presence of natural person			
Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
(c) Taxation services (CPC 863)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
(d) Architectural services (CPC 8671)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
(e) Engineering services (CPC 8672)	(4) Foreign engineering services suppliers can bring into Viet Nam only management, technical personnel that Viet Nam can not provide. Other as indicated in the Horizontal Measures	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
(f) Integrated engineering services (CPC 8673)			
(g) Urban planning and urban landscape architectural services (CPC 8674)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
(i) Veterinary services (CPC 932) ²	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
B. Computer and Related Services (CPC 841-845, CPC 849)			
C. Research and Development Services			
(a) R&D services on natural sciences (CPC 851)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
E. Rental/Leasing Services without Operators			
(b) Relating to aircraft (CPC 83104)	(4) As indicated in the horizontal section.	(4) As indicated in the horizontal section.	
(d) Relating to other machinery and equipment (CPC 83109)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
F. Other Business Services			
(a) Advertising services (CPC 871, excluding advertising for cigarettes)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	The advertising for wines and spirits shall be subject to State regulations, which are applied on a non-discriminatory basis.

² Excluding keeping micro-organism strain for veterinary.

Mode of delivery: (4) Presence of natural person				
Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments	
(b) Market research services (CPC 864, excluding 86402)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.		
(c) Management consultant services (CPC 865)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.		
(d) Services related to management consulting	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.		
- CPC 866, except CPC 86602 - Arbitration and conciliation services for commercial disputes between businesses (CPC 86602**)				
(e) Technical testing and analysis services (CPC 8676, excluding conformity testing of transport vehicles and certification of transport vehicles)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.		
(f) Services incidental to agriculture, hunting and forestry (CPC 881) ³	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.		
(h) Services incidental to mining (CPC 883)				
1. The commitments specified hereunder are not understood to cover the following activities: supply of equipment, materials and chemicals, supply base services, offshore/marine support vessels, accommodation and catering, helicopter services.				
2. The commitments specified hereunder are made without prejudice to the rights of the Government of Viet Nam in full conformity with the rights and obligations of Viet Nam under the GATS, the oil and gas related activities carried out within the territory or jurisdiction of Viet Nam	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.		
(i) Services incidental to manufacturing (CPC 884 and 885)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.		

³ Excluding services relating to investigation, evaluation and exploitation for natural forest including exploitation of woods and wild, rare and precious animals hunting and trapping, aerial photographing, aerial seed planting and aerial chemicals spraying and dusting, micro-bial plant, animal genetic resource in agriculture. For the avoidance of ambiguity, animal husbandry and the improvement of breeding stock are included in this commitment.

Mode of delivery: (4) Presence of natural person			
Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
(m) Related scientific and technical consulting services ⁴ (CPC 86751, 86752 and 86753 only)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
(n) Maintenance and repair of equipment (not including maritime vessels, aircraft or other transport equipment) (CPC 633)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
2. COMMUNICATION SERVICES			
B. Courier Services (CPC 7512**) * Express delivery services ⁵ , i.e. services consisting of collection, sorting, transport and delivery, whether for domestic or foreign destination, of: (a) Written communication ⁶ , on any kind of physical medium, including: - Hybrid mail service; - Direct mail. Except for the handling of items of written communication the price of which is less than: - 10 times the tariff for the handling of a standard domestic letter in the first weight level for domestic shipments; - US\$9 for international shipments; provided that the gross weight of these	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	Services and services suppliers of any other Party shall be accorded treatment no less favourable than the treatment accorded to the Vietnamese Post Office or its subsidiaries for its competitive activities.

⁴ The supply of services related to prospecting, surveying, exploration and exploitation is subject to the applicable laws and regulations of Viet Nam.

⁵ Express delivery services may include, in addition to greater speed and reliability, value added elements such as collection from point of origin, personal delivery to addressee, tracing and tracking, possibility of changing the destination and address in transit, confirmation of receipt.

⁶ Written communication includes letters, postcards, hand writings, or printed matters such as books, newspapers, periodicals, magazines, or commercial documents such as bills and invoices, etc.

Mode of delivery: (4) Presence of natural person			
Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
items is less than 2,000 grams. (b) Parcels ⁷ and other goods. * Handling of non-addressed items.			
C. Telecommunication Services			
Commitments hereunder are made in accordance with "Notes for Scheduling Basic Telecom Services Commitments" (S/GBT/W/2/REV.1) and "Market Access Limitations on Spectrum Availability" (S/GBT/W/3). For the purpose of these commitments, a "non-facilities based service supplier" means a service supplier which does not own transmission capacity but contracts for such capacity including submarine cable capacity, including on a long-term basis, from a facilities-based supplier. A non facilities-based supplier is not otherwise excluded from owning telecommunications equipment within their premises and permitted public service provision points (POP).			
<u>Basic telecommunication services</u> (a) Voice telephone services (CPC 7521)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	Viet Nam undertakes the obligations in Annex on Telecommunication under Chapter 8.
(b) Packet-switched data transmission services (CPC 7523**)			For consortium submarine cable links where Viet Nam is member, foreign service suppliers shall be permitted to control fully-owned submarine cable transmission capacity (e.g. IRU or consortium ownership) terminating at a licensed cable landing station in Viet Nam, and to provide such capacity to international facilities-based service suppliers licensed in Viet Nam. As of 11 January 2011, foreign service suppliers shall be permitted to provide such capacity to international VPN and IXP service suppliers licensed in Viet Nam.
(c) Circuit-switched data transmission services (CPC 7523**)			
(d) Telex services (CPC 7523**)			
(e) Telegraph services (CPC 7523**)			
(f) Facsimile services (CPC 7521** + 7529**)			
(g) Private leased circuit services			

⁷ Books, catalogues are included hereunder.

Mode of delivery: (4) Presence of natural person	Sectors and sub-sectors			Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
(o*) Other services	(CPC 7522** + 7523**)					
-	Videoconferencing services (CPC 75292)					
-	Video Transmission services, excluding broadcasting ⁸					
-	Radio based services includes: + Mobile telephone (terrestrial and satellite) + Mobile data (terrestrial and satellite) + Paging + PCS + Trunking Internet Exchange Service (IXP) ⁹					
-	Internet Exchange Service (IXP) ⁹					
	Basic telecommunication services:			(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	Viet Nam undertakes the obligations in Annex on Telecommunication under Chapter 8.
(o*) Other services						
-	Virtual Private Network (VPN) ¹⁰					For consortium submarine cable links

⁸ Broadcasting is defined as the uninterrupted chain of transmission required for the distribution of TV and radio programme signals to the general public, but does not cover contribution links between operators.

⁹ Services providing internet access service (IAS) suppliers with connection between them and to the international Internet backbone.

¹⁰ Services, provided on commercial terms, establishing and managing a private network over public (shared) networks for the purpose of carrying out, on a non-profit basis, voice and data telecommunications between members of a closed user group defined prior to the creation of the VPN. Such group may include a corporate group or organization, or a group of legal entities with an established relationship affiliated through the pursuit of a common interest. Initial members of a closed user group using VPN service must be listed in a dialling or routing plan approved by the Competent Authority and subject to its oversight. VPN service suppliers shall notify to the Competent Authority changes of membership at least two working weeks prior to actually commencing commercial service and can commence commercial service

Mode of delivery: (4) Presence of natural person	Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
				<p>where Viet Nam is member, foreign service suppliers shall be permitted to control fully-owned submarine cable transmission capacity (e.g. IRU or consortium ownership) terminating at a licensed cable landing station in Viet Nam, and to provide such capacity to international facilities-based service suppliers licensed in Viet Nam. As of 11 January 2011, foreign service suppliers shall be permitted to provide such capacity to international VPN and IXP service suppliers licensed in Viet Nam.</p>
<p><u>Value-added services</u></p> <p>(h) Electronic mail (CPC 7523 **)</p> <p>(i) Voice mail (CPC 7523 **)</p> <p>(j) On-line information and database retrieval (CPC 7523 **)</p> <p>(k) Electronic data interchange (EDI) (CPC 7523 **)</p> <p>(l) Enhance/value-added facsimile services, incl store and forward, store and retrieve (CPC 7523 **)</p>		(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	<p>Viet Nam undertakes the obligations in Annex on Telecommunication under Chapter 8.</p>

provided that no objection from the Competent Authority is issued during these two weeks. Members are not allowed to resell VPN services to unaffiliated third parties. Virtual private networks are not allowed to carry/transfer traffic of/between unaffiliated third parties. VPN services can be offered by licensed foreign-invested service suppliers bundled with Internet access service and value-added services from (h) to (n).

Mode of delivery: (4) Presence of natural person			
Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
(m) Code and protocol conversion			
(n) On-line information and data processing (incl. transaction processing) (CPC 843**)			
<u>Value added services</u>			
(o) Other	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section	Viet Nam undertakes the obligations in Annex on Telecommunication under Chapter 8.
- Internet Access Services IAS ¹¹			
D. Audiovisual Services			
With regard to motion picture production, distribution and projection services, all films must have their content censored by Viet Nam's competent authorities.			
(a) Motion picture production (CPC 96112, excl. video tape)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
- Motion picture distribution (CPC 96113, excl. video tape)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
(b) Motion picture projection service (CPC 96121)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
(e) Sound recording	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
3. CONSTRUCTION AND RELATED ENGINEERING SERVICES			
A. General construction work for building (CPC 512)	(4) Foreign construction contractor can bring into Viet Nam only management, technical personnel	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	

¹¹ Services providing internet access to the end users.

Mode of delivery: (4) Presence of natural person			
Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
B. General construction work for civil engineering (CPC 513)	and foremen that Viet Nam cannot provide. Others as indicated in the horizontal Measures.		
C. Installation and assembly work (CPC 514, 516)			
D. Building completion and finishing work (CPC 517)			
E. Other (CPC 511, 515, 518)			
4. DISTRIBUTION SERVICES			
Measures applicable to all sub-sectors in Distribution Services:			
Cigarettes and cigars, books, newspapers and magazines, video records on whatever medium, precious metals and stones, pharmaceutical products and drugs ¹² , explosives, processed oil and crude oil, rice, cane and beet sugar are excluded from the commitments.			
A. Commission agents' services (CPC 621, 61111, 6113, 6121)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
B. Wholesale trade services (CPC 622, 61111, 6113, 6121)			
C. Retailing services (CPC 631 + 632, 61112, 6113, 6121) ¹³			
D. Franchising services (CPC 8929)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
5 EDUCATIONAL SERVICES			
Only in technical, natural sciences and technology, business administration and business studies, economics, accounting, international law and language training fields.			

¹² For the purposes of this schedule "pharmaceuticals and drugs" do not include non-pharmaceutical nutritional supplements in tablet, capsule or powdered form.

¹³ For transparency purposes, this commitment includes multi-level sales by properly trained and certified Vietnamese individual commission agents away from a fixed location for which remuneration is received both for the sales effort and for sales support services that result in additional sales by other contracted distributors.

Mode of delivery: (4) Presence of natural person	Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
	<p>With regard to point (B1), (B2), (C), (D), (E) below, the following additional fields of study are allowed: agriculture, architecture, building, business administration, management, computer science, construction, information systems, dental services, economics, education, engineering, environment, surveying, health, community services, land and marine resources, animal husbandry, language studies, law, legal studies, life sciences, manufacturing, mathematics, medical science, medicine, multi-field education, nursing, pharmacy, physical sciences, science, services, culinary and hospitality, transport, veterinary science, visual and performing arts.</p> <p>With regard to points (B), (B1), (B2), (C), (D), and (E) below: The education content must be approved by Viet Nam's Ministry of Education and Training.</p>			
B.	Secondary education services (CPC 922), excluding B1, B2	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
B1.	Higher secondary education services (CPC 9222) only for students who have completed 9 years of general education as specified by Vietnamese relevant laws and regulations	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
B2.	Technical and vocational secondary education services (CPC 9223), only for students who have completed 9 years of general education as specified by Vietnamese relevant laws and regulations	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
C.	Higher education services (CPC 923)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	After the entry into force of the AANZFTA Agreement, if Viet Nam and all other ASEAN Member States enter into any agreement on trade in services between ASEAN, as a region, and a non-Party and in such future agreement on trade in services Viet

Mode of delivery: (4) Presence of natural person			
Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
D. Adult education (CPC 924)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	Nam accords treatment in mode 1 in higher education services (CPC 923) to that non-Party which go beyond the level of treatment she has made under AANZFTA, Viet Nam shall extend to the services or service suppliers of Australia and New Zealand treatment no less favourable than that Viet Nam accords to like services or service-suppliers of that non-Party.
E. Other education services (CPC 929, including foreign language training)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
6. ENVIRONMENTAL SERVICES			
Access to certain geographic areas may be restricted for national security reasons ¹⁴ .			
A. Sewage Services (CPC 9401)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	Foreign companies are allowed to do business activities in Viet Nam in the form of build-operate-transfer (BOT) and build-transfer-operate (BTO).
B. Refuse disposal services (CPC 9402) ¹⁵	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	Foreign companies are allowed to do business activities in Viet Nam in the form of build-operate-transfer (BOT) and build-transfer-operate (BTO).

¹⁴ For greater transparency, this commitment allows the maintenance or adoption of limitations or restrictions for national security reasons that would be justified under Article XIV and Article XIV bis of the GATS.

¹⁵ Import of refuse is forbidden by law. Treatment and disposal of hazardous waste is regulated by Law.

Mode of delivery: (4) Presence of natural person			
Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
C. Sanitation and similar services (CPC 9403)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
D. Nature and landscape protection services (CPC 9406)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
E. Other services	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
- Cleaning services of exhaust gases (CPC 94040) and noise abatement services (CPC 94050)			
- Environmental impact assessment services (CPC 94090*)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
7. FINANCIAL SERVICES			
A. Insurance and Insurance-Related Services	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
a. Direct insurance			
(a) Life insurance, excl. health insurance services			
(b) Non-life insurance services			
b. Reinsurance and retrocession			
c. Insurance intermediation (such as brokerage and agency)			
d. Services auxiliary to insurance (such as consultancy, actuarial, risk assessment and claim settlement)			
B. Banking and Other Financial Services			
<p>Commitments with respect to banking and other financial services are undertaken in accordance with relevant laws and regulations promulgated by competent authorities of Viet Nam to ensure the consistency with Article VI of the GATS and Para 2 (a) of the GATS Annex on Financial Services and Annex on Financial Services under Chapter 8.</p> <p>As a general rule and on a non-discriminatory basis, the offer of banking and other financial services or products is subject to relevant institutional and juridical form</p>			

Mode of delivery: (4) Presence of natural person			
Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
<p>(a) Acceptance of deposits and other repayable funds from the public</p> <p>(b) Lending of all types, including consumer credit, mortgage credit, factoring and financing of commercial transaction</p> <p>(c) Financial leasing</p> <p>(d) All payment and money transmission services, including credit, charge and debit cards, travellers' cheques and bankers drafts</p> <p>(e) Guarantees and commitments</p> <p>(f) Trading for own account or for account of customers, whether on an exchange, in an over-the-counter market or otherwise, the following:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Money market instrument (including cheques, bills, certificates of deposits); - Foreign exchange; - Exchange rate and interest rate instrument incl products such as swaps, forward rate agreements; - Bullion. <p>(h) Money broking</p>	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	

Mode of delivery: (4) Presence of natural person	Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
	(i) Asset management, such as cash or portfolio management, all forms of collective investment management, pension fund management, custodial, depository and trust services			
	(j) Settlement and clearing services for financial assets, including securities, derivative products, and other negotiable instruments			
	(k) Provision and transfer of financial information, and financial data processing and related software by suppliers of other financial services			
	(l) Advisory, intermediation and other auxiliary financial services on all activities listed in subparagraphs from (a) to (k), including credit reference and analysis, investment and portfolio research and advice, advice on acquisitions and on corporate restructuring and strategy			
C. Securities	(f) Trading for own account or for account of customers, whether on an exchange, in an over-the-counter market or otherwise, the following: - Derivative products incl. futures and options; - Transferable securities;	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	

Mode of delivery: (4) Presence of natural person			
Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
<ul style="list-style-type: none"> - Other negotiable instruments and financial assets, excluding bullion. <p>(g) Participation in issues of all kinds of securities incl. under-writing and placement as an agent (publicly or privately), provision of services related to such issues</p> <p>(i) Asset management, such as portfolio management, all forms of collective investment management, pension fund management, custodial depository and trust services</p> <p>(j) Settlement and clearing services for securities, derivative products, and other securities-related instruments</p> <p>(k) Provision and transfer of financial information, and related software by suppliers of securities services</p> <p>(l) Advisory, intermediation and other auxiliary securities-related excluding (f), including investment and portfolio research and advice, advice on acquisitions and on corporate restructuring and strategy (for other services under (l), refer to (l) under banking sector)</p>			
8. HEALTH RELATED AND SOCIAL SERVICES			
A. Hospital services (CPC 9311)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
B. Medical and dental services			

Mode of delivery: (4) Presence of natural person	Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
	(CPC 9312) covering: - General medical services (CPC 93121) - Specialised medical services (CPC 93122) - Dental services (CPC 93123)			
	C. Nursing services, physiotherapists and para-medical personnel (CPC 93191)			
	D. Other human health services			
	F. Health related and social services Social services (CPC 933) - Social services with accommodation (CPC 9331) - Social services without accommodation (CPC 9332)			
	9. TOURISM AND TRAVEL RELATED SERVICES			
	A. Hotel and restaurant including	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
	- Lodging services (CPC 64110)			
	- Catering food (CPC 642) and drink services (CPC 643)			
	B. Travel agencies and tour operator services (CPC 7471)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
	C. Others - Tourist theme park	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
	10. RECREATIONAL, CULTURAL AND SPORTING SERVICES			

Mode of delivery: (4) Presence of natural person			
Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
A. Entertainment services (including theatre, live bands and circus services) (CPC 9619)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
D. Other - Electronic games business (CPC 964**) (CPC 964**)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
11. TRANSPORT SERVICES			
A. Maritime Transport Services	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	The following services at the port are made available to international maritime transport suppliers on reasonable and non-discriminatory terms and conditions: 1. Pilotage; 2. Towing and tug assistance; 3. Provisioning, fuelling and watering 4. Garbage collecting and ballast waste disposal; 5. Port Captain's/Harbour Master's services; 6. Navigation aids; 7. Shore-based operational services essential to ship operations, including communications, water and electrical supplies; 8. Emergency repair facilities; 9. Anchorage, berth and berthing services;
(a) Passenger transportation less cabotage (CPC 7211)			
(b) Freight transportation less cabotage (CPC 7212)			

Mode of delivery: (4) Presence of natural person			
Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
(c) Rental of vessels with crew (CPC 7213)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal measures	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal measures	10. Access to maritime agency services. ¹⁶
(d) Maintenance and repair of vessels (CPC 8868*)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal measures	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal measures.	
Maritime Auxiliary Services	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
- Container handling services (CPC 7411) ¹⁷			
- Maritime Agency Services (CPC 7454*)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
- Customs Clearance Services ¹⁸	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
- Container Station and Depot Services ¹⁹	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
B. Internal Waterways Transport	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
(a) Passenger transport (CPC 7221)			
(b) Freight transport (CPC 7222)			
(c) Maintenance and repair of vessels (CPC			

¹⁶ With respect to the access to and use of maritime agency services mentioned in the Additional Commitments column, where road, rail, inland waterways, coastal and inland shipping, and related auxiliary services are not otherwise fully covered in the schedule, a multimodal transport operator shall have the ability to access Vietnamese maritime agency services suppliers to rent, hire or charter trucks, railway carriages, or barges and related equipment, for the purpose of onward forwarding of international cargoes carried by sea.

¹⁷ Public utility concession or licensing procedures may apply in case of occupation of the public domain.

¹⁸ "Customs clearance services" (alternatively "customs house brokers' services") means activities consisting in carrying out on behalf of another party customs formalities concerning import, export or through transport of cargoes, whether this service is the main activity of the service provider or a usual complement of its main activity.

¹⁹ "Container station and depot services" means activities consisting in storing containers, whether in port areas or inland, with a view to their stuffing/stripping, repairing and making them available for shipments.

Mode of delivery: (4) Presence of natural person			
Sectors and sub-sectors (8868*)	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
C. Air Transport Services	(4) As indicated in the horizontal section.	(4) As indicated in the horizontal section.	
(a) Selling and marketing of Air transport services			
(b) Computer reservation services (CPC 7523)	(4) As indicated in the horizontal section.	(4) As indicated in the horizontal section.	
(c) Maintenance and repair of aircraft (CPC 8868)	(4) As indicated in the horizontal section.	(4) As indicated in the horizontal section.	
(d) Aircraft Leasing with Crew (CPC 734)	(4) As indicated in the horizontal section.	(4) As indicated in the horizontal section.	
(e) Air Freight Forwarding Services	(4) As indicated in the horizontal section.	(4) As indicated in the horizontal section.	
E. Rail Transport Services	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
(a) Passenger transportation (CPC 7111)			
(b) Freight transportation (CPC 7112)			
(c) Maintenance and repair of rail transport equipment (CPC 8868)	(4) Unbound	(4) Unbound	
F. Road Transport Services	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
(a) Passenger transportation (CPC 7121+7122)			
(b) Freight transportation (CPC 7123)			
H. Services Auxiliary to all Modes of Transport	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	

Mode of delivery: (4) Presence of natural person			
Sectors and sub-sectors	Limitations on Market Access	Limitations on National Treatment	Additional Commitments
(a) Maritime cargo handling services (CPC 741)			
(b) Container handling services, except services provided at airports (part of CPC 741)			
(c) Container handling services (CPC 741) ²⁰	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
(d) Storage and warehouse services (CPC 742)	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
(e) Freight transport agency services (CPC 748) ²¹			
(f) Ship broking services	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	
(g) Other (part of CPC 749) ²²	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	(4) Unbound, except as indicated in the horizontal section.	

²⁰ Public utility concession or licensing procedures may apply in case of occupation of the public domain.

²¹ Including freight forwarding services. These services mean the activities consisting of organizing and monitoring shipment operations on behalf of shippers, through the acquisition of transport and related services, preparation of documentation and provision of business information.

²² Include the following activities: bill auditing; freight brokerage services; freight inspection, weighing and sampling services; freight receiving and acceptance services; transportation document preparation services. These services are provided on behalf of cargo owners.